



CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ

PETROVIETNAM SECURITIES INC.

PSI

PHÒNG KIỂM - TP. HÀ NỘI

2011

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Hà Nội, tháng 4 năm 2012

MỤC LỤC

PHẦN I: LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	3
1. Lịch sử phát triển và hình thành	3
Sự thành lập	3
Quá trình phát triển	3
2. Định hướng phát triển	4
Tầm nhìn:	4
Sứ mệnh	4
Phương châm hành động	4
PHẦN II: BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	5
1. Hoạt động kinh doanh của Công ty năm 2011	5
2. Tình hình hoạt động của HĐQT năm 2011	5
3. Kế hoạch hoạt động của HĐQT năm 2012	6
4. Mục tiêu của Công ty đến năm 2015:	6
PHẦN III: BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	8
1. Báo cáo tình hình tài chính	8
2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2011:	8
2.1 Chỉ tiêu doanh thu:	8
2.2 Chỉ tiêu chi phí:	10
3. Các hoạt động nổi bật của PSI trong năm 2011	10
4. Kế hoạch kinh doanh năm 2012	11
4.1 Triển vọng kinh tế thế giới năm 2012	11
4.2 Dự báo kinh tế Việt Nam năm 2012	12
4.3 Kế hoạch kinh doanh năm 2012	13
PHẦN IV: GIẢI TRÌNH BÁO CÁO KIỂM TOÁN & BÁO CÁO TÀI CHÍNH	16
PHẦN V: TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ	17
1. Cơ cấu tổ chức công ty	17
2. Tóm tắt lý lịch cá nhân trong Ban Điều hành	18
3. Thay đổi Tổng Giám đốc điều hành trong năm	19
4. Thay đổi thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng	19
	1

PHẦN VI: THÔNG TIN CỔ ĐÔNG/ THÀNH VIÊN GÓP VỐN VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY	21
1. Thành viên và cơ cấu của HĐQT	21
2. Thành viên Ban Kiểm soát	21
3. Các dữ liệu thống kê về cổ đông/thành viên góp vốn	24
1.1 Cổ đông/thành viên góp vốn Nhà nước:	24
1.2 Cổ đông/thành viên góp vốn nước ngoài:	25



2011

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN



PHẦN I

LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG
CỦA CÔNG TY

1. Lịch sử phát triển và hình thành

Sự thành lập

Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí là công ty chứng khoán duy nhất thuộc Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam – Tập đoàn kinh tế lớn nhất Việt Nam. Nằm trong Đề án hình thành Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí (PSI) được thành lập và được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp giấy phép hoạt động số 26/UBCK- GPHĐCK vào ngày 19/12/2006 với các ngành nghề kinh doanh: Môi giới chứng khoán, Tư vấn tài chính & Đầu tư chứng khoán, Tự doanh chứng khoán, Lưu ký chứng khoán, Bảo lãnh phát hành chứng khoán.

Quá trình phát triển

Chính thức đi vào hoạt động vào ngày 07/02/2007, với hội sở chính tại Hà Nội và 01 chi nhánh tại TP Hồ Chí Minh, số vốn điều lệ là 150 tỷ đồng. Từ một công ty chứng khoán non trẻ, bất chấp những khó khăn của thị trường, thăng trầm của nền kinh tế Việt Nam thời gian qua. PSI đã không ngừng thay đổi, phát triển.

Xuất hiện trên thị trường chứng khoán hơn 5 năm, PSI đã không ngừng phát triển, dần dần chiếm lĩnh thị trường và tạo ra sự khác biệt lớn so với các công ty chứng khoán khác thông qua:

- Sự vượt trội về trình độ chuyên môn, chất lượng tư vấn, dịch vụ với đội ngũ chuyên gia hàng đầu.
- Là đầu mối triển khai các thương vụ lớn với các đơn vị trong ngành Dầu khí, gây tiếng vang cả ở trong và ngoài nước, xứng đáng thương hiệu ngành Dầu khí;
- Là đối tác hàng đầu Việt Nam của các định chế tài chính lớn thế giới trong các thương vụ về đầu tư, tư vấn... tại Việt Nam.

Năm 2006: Chứng khoán Dầu khí được chính thức cấp phép hoạt động

Năm 2007: Chính thức đi vào hoạt động và ra đời chi nhánh TP Hồ Chí Minh

Năm 2009 : PSI cho ra đời thêm 2 chi nhánh mới Tại Vũng Tàu và Đà Nẵng

Công bố thương hiệu mới PSI

Áp dụng hệ thống giao dịch trực tuyến hiện đại của TongYang – Hàn Quốc.

Năm 2010: Tăng vốn điều lệ của công ty từ 150 tỷ đồng lên 485 tỷ đồng vào tháng 6/2010, và lên 509, 25 tỷ vào tháng 10/2010.

Niêm yết cổ phiếu trên Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội vào tháng 7/2010

Ra đời các chi nhánh tại Hà Nội, Nghệ An, Nam Định, Thanh Hóa, Hải Phòng... đưa tổng số chi nhánh của PSI lên con số 8 chi nhánh trên cả nước.

Thuộc top 5 công ty chứng khoán có doanh thu Tư vấn lớn nhất thị trường năm 2010, top 10 các công ty chứng khoán có lợi nhuận cao nhất thị trường năm 2010. * |Cafef.vn

Đạt giải thưởng thương hiệu nổi tiếng Quốc gia năm 2010 và danh hiệu Doanh nhân xuất sắc Đất Việt năm 2010 dành cho 02 cá nhân ông Bùi Ngọc Thắng – Chủ tịch HĐQT và ông Phạm Quang Huy – TGD

Năm 2011 : Tăng vốn điều lệ lên 598,413 tỷ đồng thông qua việc chào bán thành công 14,9% cổ phần cho công ty SMBC Nikko (Nhật Bản)

Đạt giải bình chọn Công ty tư vấn M&A tiêu biểu và giải Công ty có Thương vụ phát hành riêng lẻ tiêu biểu (với đối tác Nhật Bản) tại Diễn đàn Mua bán - Sáp nhập doanh nghiệp 2011.

Đạt giải thưởng bình chọn “Báo cáo thường niên tốt nhất 2010”

Nhận giải thưởng “Thương hiệu nổi tiếng nhất ngành hàng Chứng khoán tại Việt Nam năm 2010 do người tiêu dùng bình chọn”. Chương trình do VCCI tổ chức.

Phối hợp với Đại học NewYork – Hoa Kỳ và đơn vị bảo trợ truyền thông là Báo Đầu tư Chứng khoán tổ chức thành công hội thảo “Chiến lược toàn cầu của các doanh nghiệp Việt Nam trong bối cảnh kinh tế hiện nay”.

2. Định hướng phát triển

Tầm nhìn:

Trở thành Công ty Chứng khoán hàng đầu Việt Nam trong các lĩnh vực tư vấn, phân tích, và dịch vụ chứng khoán, là đối tác hàng đầu tại Việt Nam của các tổ chức tài chính quốc tế.

Sứ mệnh

Sứ mệnh của chúng tôi là trở thành đầu mối trọng yếu kết nối ngành dầu khí Việt Nam với thị trường chứng khoán và thị trường vốn trong nước cũng như quốc tế.

Chúng tôi cam kết thực hiện và triển khai hiệu quả chiến lược và kế hoạch kinh doanh trung và dài hạn nhằm bảo vệ và phát triển nguồn vốn, tài sản của Công ty, đồng thời tạo ra những nguồn lợi nhuận tối ưu và bền vững cho tất cả các cổ đông.

Phương châm hành động

- Lấy Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam là trọng tâm.
- Lấy dịch vụ làm nền tảng bền vững, là yếu tố quyết định sự khác biệt so với các CTCK khác.
- Lấy đầu tư để tăng tốc phát triển khi có điều kiện.
- Lấy thị trường phía Nam là mục tiêu, đầu tư phát triển chi nhánh TP HCM thành đầu tàu phát triển dịch vụ.
- Lấy nhân tố con người làm hạt nhân, coi con người là tài sản quý nhất của Doanh nghiệp.
- Lấy công nghệ thông tin là công cụ quan trọng, là xương sống trong hoạt động của Công ty.
- Lấy văn hóa doanh nghiệp là chất keo kết nối sức mạnh.

2011

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN



PHẦN II
BÁO CÁO CỦA
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Hoạt động kinh doanh của Công ty năm 2011

Thị trường chứng khoán có 1 năm không thuận lợi do những bất ổn về vĩ mô và chịu ảnh hưởng từ chính sách tiền tệ chặt chẽ. Một cách trực quan, dễ dàng nhận thấy trạng thái giảm điểm chiếm ưu thế tuyệt đối trong suốt năm 2011 khi thị trường khi tính trong cả năm 2011 có khoảng 36 tuần giảm điểm, và chỉ có 15 tuần đi ngang hoặc phục hồi nhẹ. VN-Index giảm từ mức cao nhất đầu năm là 520 điểm xuống thấp nhất 350 điểm. HNX từ 115 xuống thấp nhất 56 điểm. Sự sụt giảm kéo dài của thị trường trên thực tế cũng phản ánh sự sụt giảm niềm tin của nhà đầu tư, vấn đề thiếu hụt dòng tiền và hành động thoái vốn mạnh của một bộ phận các nhà đầu tư. Điều này đã ảnh hưởng trực tiếp tới kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm 2011, cụ thể như sau:

Doanh thu năm 2010 của Công ty đạt 176,42 tỷ đồng (đạt 50% so với kế hoạch đã được ĐHCĐ thông qua), bằng 68% so với năm 2010; vốn điều lệ Công ty hiện là 598,413 tỷ đồng. Lợi nhuận trước thuế âm 93,19 tỷ đồng.

2. Tình hình hoạt động của HĐQT năm 2011

Trong năm 2011, Hội đồng quản trị (HĐQT) có sự thay đổi về thành viên do sự điều động, luân chuyển công tác và có sự tham gia của đối tác chiến lược Nikko – Nhật Bản. Vì vậy, số lượng thành viên Hội đồng quản trị tăng từ 5 thành viên lên 6 thành viên trong đó Chủ tịch HĐQT hoạt động chuyên trách, 01 thành viên kiêm nhiệm chức vụ Tổng giám đốc Công ty, 01 thành viên Hội đồng quản trị chuyên trách và 03 thành viên kiêm nhiệm đang giữ chức vụ quản lý ở các đơn vị khác trong và ngoài Ngành Dầu khí.

Các thành viên HĐQT tại công ty đã thực hiện nhiệm vụ chỉ đạo, giám sát hoạt động của Ban Điều hành thông qua:

- Tham dự và có ý kiến trong các cuộc họp giao ban công tác định kỳ của Ban điều hành.
- Theo dõi và nắm bắt quá trình điều hành kinh doanh thông qua các báo cáo, văn bản của Ban điều hành gửi báo cáo HĐQT.
- Trực tiếp chỉ đạo và góp ý đối với Ban điều hành trong một số vấn đề quan trọng phát sinh trong quá trình điều hành.

Các thành viên HĐQT không kiêm nhiệm chức vụ trong Công ty thực hiện công tác quản lý, giám sát qua các chế độ kiểm tra, báo cáo, các buổi họp và làm việc với Ban điều hành cũng như tại các phiên họp HĐQT.

Trong năm 2011, HĐQT đã tổ chức họp định kỳ (06lần) để nghiên cứu, đánh giá và đưa ra các chỉ đạo hoạt động theo quy định và chỉ đạo Ban điều hành thực hiện công tác quản lý và kinh doanh thường kỳ của Công ty, cụ thể:

- Xây dựng kế hoạch kinh doanh chi tiết và các biện pháp triển khai thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2011.
- Tái cấu trúc bộ máy tổ chức Công ty cho phù hợp với quy mô phát triển công ty và môi trường kinh doanh năm 2011 với mục tiêu gọn nhẹ, hiệu quả.

- Hoàn thiện cơ chế trả lương, trả thưởng đảm bảo tính cạnh tranh và gắn thu nhập của người lao động với hiệu quả kinh doanh.

- Chủ động phối hợp tổ chức hoạt động kiểm tra, giám sát đối với hoạt động kinh doanh (cụ thể là hoạt động đầu tư, môi giới, tư vấn, quản lý cổ đông và dịch vụ) và công tác quản lý của Công ty; tổ chức nghiên cứu, trao đổi thông tin. Thông qua các đợt kiểm tra giám sát, HĐQT đã nêu ra các hạn chế, thiếu sót đang tồn tại đối với hoạt động kinh doanh của Công ty, chỉ đạo quyết liệt công tác rà soát hoạt động quản lý và kinh doanh của Công ty, đồng thời đưa ra các giải pháp khắc phục cụ thể và yêu cầu TGD tổ chức triển khai thực hiện và đã có một số kết quả nhất định.

- Xem xét xây dựng, sửa đổi và bổ sung các quy định nội bộ theo thẩm quyền tạo khung pháp lý phục vụ hoạt động kinh doanh, quản lý và giám sát nhằm tạo sự chủ động trong quản lý, điều hành của Tổng giám đốc, đồng thời đảm bảo hiệu quả của hoạt động kinh doanh của Công ty, cụ thể bao gồm các quy chế sau:

- ✓ Quy chế Môi giới phát triển khách hàng;
- ✓ Quy chế trả lương, thưởng;
- ✓ Quy chế Quản lý chi phí;

3. Kế hoạch hoạt động của HĐQT năm 2012

Năm 2012, HĐQT dự kiến kế hoạch hoạt động chung như sau:

- Tổ chức các phiên họp thường kỳ hàng tháng. Các phiên họp này HĐQT sẽ nghe các báo cáo, kiến nghị của Tổng giám đốc; thảo luận, thông qua các báo cáo, đề án, dự án, kế hoạch, chính sách... trong hoạt động kinh doanh của Công ty.

- Tổ chức các phiên họp bất thường để giải quyết các công việc phát sinh thuộc thẩm quyền của HĐQT.

- Các thành viên HĐQT thảo luận và thông qua các nghị quyết, quyết định bằng hình thức nghiên cứu hồ sơ, tài liệu và gửi ý kiến bằng văn bản.

- Chỉ đạo triển khai thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2012.

- Rà soát, bổ sung, điều chỉnh các quy trình, quy chế quản lý nội bộ của Công ty phù hợp với điều kiện hoạt động của Công ty.

- Chỉ đạo việc phát triển Công ty theo Chiến lược phát triển đã đề ra.

4. Mục tiêu của Công ty đến năm 2015:

Đây là giai đoạn Công ty khẳng định vị thế của mình trên thị trường với mục tiêu trở thành một trong những Công ty Chứng khoán uy tín nhất tại Việt Nam, là đối tác tốt nhất của các nhà đầu tư quốc tế tại Việt Nam.

- Là Công ty môi giới trong nhóm dẫn đầu thị trường về thị phần và chất lượng dịch vụ.

- Là Công ty Chứng khoán có uy tín hàng đầu Việt Nam trong lĩnh vực tư vấn. Công ty luôn có tên trong Danh sách các nhà tư vấn được mời tham gia các thương vụ tư vấn lớn tại Việt Nam, là đối tác hàng đầu tại Việt Nam cho các tổ chức tài chính quốc tế. Giành ít nhất một giải thưởng uy tín trên thế giới (VD: Best Equity House in Vietnam do Euromoney hoặc Finance Asia trao tặng).

- Là tổ chức phân tích hàng đầu Việt Nam. Có lực lượng phân tích đủ lớn để phân tích được tất cả các ngành và doanh nghiệp trọng yếu của nền kinh tế. Có tiếng nói trong các diễn đàn đầu tư tại Việt Nam và khu vực.
- Là Công ty niêm yết dẫn đầu về hiệu quả hoạt động.
- Xây dựng được môi trường làm việc thật sự chuyên nghiệp, là công ty mà các nhân sự giỏi trên thị trường mong muốn được làm việc.
- Là công ty mang lại các giá trị gia tăng và uy tín cho các khách hàng.



2011

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN



PHẦN III
BÁO CÁO CỦA
BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Báo cáo tình hình tài chính

Tổng tài sản tại thời điểm 31/12/2011 là 1.152 tỷ đồng, trong đó tài sản ngắn hạn là 933.89 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 81.08%, tài sản dài hạn là 217.875 tỷ đồng, chiếm 18.92%.

Xét về cơ cấu nguồn vốn, vốn chủ sở hữu tính đến 31/12/2011 là 590.968 tỷ đồng, nợ phải trả là 560.797 tỷ đồng. Hệ số tự chủ tài chính (Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn) đạt 51.31%, tốt hơn nhiều so với năm 2010 (35%).

Số lượng cổ phiếu đang lưu hành tại thời điểm 31/12/2011 là 59.841.300 cổ phần tương ứng với vốn điều lệ 598.413.000.000 đồng, tăng 8.916.300 cổ phần (là phần Công ty phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho Công ty Nikko Cordial Securities Inc., thành lập tại Nhật Bản, giá bán 15.000đồng/cổ phiếu, tỷ lệ vốn góp của cổ đông này chiếm 14.9% vốn điều lệ) so với năm 2010. Công ty không có cổ phiếu quỹ và trái phiếu chuyển đổi.

Theo Thông tư 226/2010/TT-BTC ngày 31/12/2010 của Bộ Tài chính về Quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính, áp dụng từ ngày 1/4/2011 thì tỷ lệ an toàn vốn khả dụng của công ty chứng khoán không được dưới mức 180%, chỉ tiêu này của công ty luôn đáp ứng quy định.

2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2011:

ST T	Khoản mục	Kế hoạch	Thực hiện			
		Năm 2011	Năm 2011	Năm 2010	% TH 2011 so với KH	% TH 2011 so với 2010
I	Tổng Doanh thu	351.70	176.42	258.65	50%	68%
1	Môi giới chứng khoán	43.10	12.26	28.25	28%	43%
2	Đầu tư chứng khoán	107.20	45.13	82.34	42%	55%
3	Tư vấn & Bảo lãnh phát hành	31.50	18.35	24.13	58%	76%
4	Lưu ký và QLCD	6.20	4.62	4.63	75%	100%
5	Hoạt động khác	163.70	96.06	119.30	59%	81%
II	Tổng Chi phí	250.30	269.61	172.97	108%	156%
III	Lợi nhuận trước thuế	101.40	-93.19	85.68	-92%	

2.1 Chỉ tiêu doanh thu:**2.1.1 Hoạt động môi giới, lưu ký, quản lý cổ đông và dịch vụ tài chính:**

Doanh thu môi giới năm 2011 đạt 12.26 tỷ đồng, bằng 28% kế hoạch đặt ra và bằng 43% so với năm 2010. Nguyên nhân chính khiến cho doanh thu môi giới chỉ hoàn thành tỷ lệ rất thấp so với kế hoạch và thấp hơn so với năm 2010 là do sự sụt giảm nghiêm trọng của thị trường chứng khoán. Thanh khoản bình quân toàn thị trường chỉ đạt khoảng 1.040 tỷ đồng so với dự kiến là 2.400 tỷ đồng. Do tính thanh khoản của thị trường thấp nên việc tăng thị phần là hết sức khó khăn. Thị phần MG trên HNX 2011 là 1.29%, trên HSX là 0.98%, thị phần chung bao gồm cả Upcom 2011 là 1.15%.

Hoạt động lưu ký và QLCĐ đạt 4.62 tỷ đồng, hoàn thành 75% so với kế hoạch năm. Thanh khoản thị trường kém cũng là nguyên nhân khiến doanh thu từ hoạt động lưu ký và QLCĐ sụt giảm một phần do khách hàng giảm hoạt động chuyển nhượng, niêm yết, một phần do các doanh nghiệp cũng hạn chế niêm yết hơn.

Doanh thu khác (96.06 tỷ đồng) thực chất một phần là doanh thu hoạt động dịch vụ tài chính, một phần là lãi tiền gửi. Chỉ tiêu doanh thu này cũng chỉ đạt 59% kế hoạch đặt ra chủ yếu là do khả năng huy động nguồn vốn khó khăn trong năm 2011 và chính sách quản lý rủi ro chặt chẽ của công ty.

2.1.2 Hoạt động tư vấn và bảo lãnh phát hành:

Doanh thu hoạt động tư vấn đạt 18.35 tỷ đồng hoàn thành 58% kế hoạch năm đề ra. Do ảnh hưởng thị trường chứng khoán đi xuống nên các DN đã ký hợp đồng tư vấn với PSI giãn tiến độ thực hiện cổ phần hóa, chào bán, niêm yết... dẫn đến, PSI gặp nhiều khó khăn trong việc thực hiện nghiệm thu và thu phí tư vấn. Ngoài ra, trong năm 2011, PSI đã đặt kế hoạch doanh thu tư vấn tìm cổ đông chiến lược trên 18 tỷ đồng. Hoạt động này đã triển khai thực hiện nhưng tiến độ bị chậm do nhiều nguyên nhân khác nhau khiến cho phần doanh thu tương đối lớn này đã không được ghi nhận vào năm 2011.

Tuy chưa đạt được chỉ tiêu kế hoạch như mong muốn nhưng PSI đã đặt ra mục tiêu đẩy mạnh hoạt động tư vấn M&A và đã thu được phí cố định và một phần phí thành công của hoạt động này. PSI được Tập đoàn tin tưởng lựa chọn làm đơn vị tư vấn tìm kiếm cổ đông chiến lược nước ngoài cho những Tổng Công ty lớn trong Tập đoàn như: Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Kỹ thuật (PETEC), Tổng Công ty Cổ phần Tài chính Dầu khí (PVFC), Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí (PVC), Công ty Cổ phần Hóa dầu và Sơ xoi Dầu khí (PV Tex). Cho đến nay, PSI đã hoàn thành việc tìm cổ đông chiến lược cho PVE, các hợp đồng khác đang trong quá trình triển khai và dự kiến sẽ hoàn tất trong năm 2012.

Có thể thấy hoạt động tư vấn trong năm 2011 mặc dù có chịu ảnh hưởng của thị trường nhưng đã có những bước phát triển đột phá. Cụ thể:

Bên cạnh các dịch vụ truyền thống như tư vấn CPH, tư vấn niêm yết, phát hành, năm 2011, PSI đã xây dựng thành công các sản phẩm dịch vụ tư vấn có chiều sâu hơn như tư vấn tái cấu trúc doanh nghiệp, tư vấn mua bán, sáp nhập doanh nghiệp M&A, tư vấn tìm cổ đông chiến lược nước ngoài.

Đối với thị trường trong ngành Dầu khí, PSI đã đạt được sự tin tưởng và giao phó của Tập đoàn cũng như các đơn vị thuộc Tập đoàn gần như 100% các thương vụ liên quan đến đổi mới doanh nghiệp, tái cấu trúc doanh nghiệp, tìm cổ đông chiến lược và M&A. Đây là kết quả lớn nhất mà đội ngũ tư vấn PSI đã xây dựng được.

PSI đã xây dựng được đội ngũ tư vấn chuyên nghiệp, các sản phẩm tư vấn với quy trình triển khai thực hiện bài bản, đạt tiêu chuẩn quốc tế. Năm 2011, toàn bộ các dịch vụ tư vấn của PSI đã được tiêu chuẩn hóa và tiếp tục được công nhận đạt tiêu chuẩn ISO.

PSI đã thiết lập được mạng lưới đối tác và khách hàng quốc tế liên quan đến dịch vụ tư vấn. Đặc biệt, thông qua CĐCL nước ngoài SMBC Nikko, PSI đã nhanh chóng mở rộng mạng lưới khách hàng thông qua hệ thống khách hàng trên 5 quốc gia của SMBC Nikko và các đối tác quốc tế khác.

2.1.3 Hoạt động đầu tư:

Doanh thu từ hoạt động đầu tư đạt 45.13 tỷ đồng, bằng 42% kế hoạch năm (107.2 tỷ đồng). Trong điều kiện thị trường sụt giảm như năm 2011, hoạt động đầu tư mua bán ngắn hạn khó tạo ra lợi nhuận, doanh thu đầu tư chủ yếu là từ cổ tức. Mặc dù PSI đã đặt ra mục tiêu giảm tỷ lệ tổng danh mục đầu tư trên vốn điều lệ xuống dưới mức hiện tại, bao gồm chủ yếu việc cơ cấu lại danh mục đã đầu tư trước năm 2009 và danh mục đầu tư trong ngành với tổng giá trị khoảng gần 200 tỷ đồng. Nhưng thực tế năm 2011, PSI chưa tìm ra cơ hội để triển khai cơ cấu lại các danh mục này. Hơn thế nữa, công ty lại chịu áp lực rất lớn đối với kết quả hoạt động kinh doanh bởi khoản trích lập dự phòng đầu tư cao. Trong khi đó, nền kinh tế khó khăn chung, các doanh nghiệp hầu hết đều chi trả mức cổ tức thấp hơn dự kiến khiến cho doanh thu từ cổ tức cũng không cao, ngoại trừ cổ tức của 1 số khoản đầu tư chiến lược của PSI.

2.2 Chi tiêu chi phí:

Trong năm 2011, ngay từ đầu năm, khi xác định thị trường có nhiều khó khăn, PSI đã chủ động cắt giảm các khoản mục chi phí, giãn tiến độ các khoản đầu tư chưa thực sự cần thiết. Cụ thể:

Trong quý III/2011, PSI đã thực hiện chuyển văn phòng Chi nhánh Hà Nội từ tầng 1 lên tầng 10 tòa nhà Hanoi Tourist để giảm chi phí thuê văn phòng khoảng gần 2 tỷ đồng/năm. Chủ động đóng cửa Chi nhánh Nam Định và một số PGD như PGD PVFC - Hà Nội, PGD Phú Mỹ Hưng - TP HCM.

PSI cũng thực hiện việc cắt giảm nhân sự tại các bộ phận không thực sự hiệu quả, cơ cấu lại tổ chức. Đến thời điểm cuối năm 2011, nhân sự Công ty là 222 người- gồm 9 Ban và 7 Chi nhánh, đã giảm so với thời điểm 31/12/2010 (228 người). Đây là một quyết định định hướng hết sức quyết liệt bởi trong năm 2010, nhân sự của PSI đang trong tình trạng tăng nóng (tăng từ 141 người lên 228 người trong năm 2010).

Tổng quỹ lương kế hoạch là 50.5 tỷ đồng, mục tiêu thu nhập bình quân của CBCNV là 16 triệu đồng/người/tháng. Tuy nhiên, trước tình hình khó khăn của thị trường, Công ty đã chủ động cắt giảm chi phí tiền lương năm 2011 xuống mức 33.5 tỷ đồng. Thu nhập bình quân đầu người chỉ khoảng 12 triệu đồng/người/tháng, thấp hơn so với năm 2010 với thu nhập bình quân khoảng 14 triệu đồng/người/tháng.

Mặc dù đã thực hiện các biện pháp có thể để cắt giảm chi phí nhưng tổng chi phí năm vẫn lên đến 269.61 tỷ đồng, vượt 108% kế hoạch năm. Nguyên nhân là do chi phí vốn vay tăng cao, đồng thời Công ty cũng phải ghi nhận các khoản lỗ tiền bán chứng khoán và chi phí trích lập dự phòng mà thực tế phát sinh trong năm do thị trường đi xuống.

3. Các hoạt động nổi bật của PSI trong năm 2011

Trong năm 2011, mặc dù chưa hoàn thành kế hoạch kinh doanh do nhiều nguyên nhân như đã phân tích ở trên, PSI cũng đã có nhiều nỗ lực đáng ghi nhận để hoàn thành các mục tiêu quan trọng khác như: Hoàn thành việc tìm kiếm, đàm phán và chào đón cổ đông chiến lược nước ngoài SMBC Nikko, tăng vốn Điều lệ của công ty lên 598.413 tỷ đồng.

Hoạt động tư vấn đã có nhiều khởi sắc, đạt được sự tin tưởng của Tập đoàn và các doanh nghiệp thành viên trong Tập đoàn, phát triển toàn diện các dịch vụ tư vấn, đặc biệt là các dịch vụ tư vấn về chiều sâu như tư vấn tái cấu trúc doanh nghiệp, tư vấn mua bán và sáp nhập doanh nghiệp, tư vấn tìm kiếm cổ đông chiến lược nước ngoài... Xây dựng được đội ngũ tư vấn chuyên nghiệp, có kiến thức chuyên sâu và kỹ năng tốt, quy trình tư vấn bài bản, đạt tiêu chuẩn quốc tế.

Trong năm 2011, PSI cũng đã được Tập đoàn tin tưởng giao cho việc xây dựng và vận hành Bộ chỉ số PVN Index. Đây là nhiệm vụ chính trị quan trọng mà PSI đã xác định nhằm nâng cao thương hiệu và hình ảnh của Tập đoàn Dầu khí VN, tạo ra một công cụ mới đạt tiêu chuẩn quốc tế cho các nhà đầu tư chuyên nghiệp, đồng thời hứa hẹn khởi thêm 1 kênh dẫn vốn mới cho Tập đoàn và các doanh nghiệp niêm yết thuộc Tập đoàn. Trong bối cảnh các công ty chứng khoán hầu hết gặp khó khăn, có một số công ty không thể duy trì được hoạt động nhưng PSI vẫn đảm bảo được tính thanh khoản, đảm bảo các chỉ tiêu an toàn tài chính theo quy định, và mặc dù có kết quả kinh doanh lỗ nhưng công ty vẫn đảm bảo giữ nguyên được vốn Điều lệ của các cổ đông. Năm 2011, Công ty cũng đã không để phát sinh bất cứ rủi ro nào liên quan đến mảng môi giới và dịch vụ tài chính. Đây là kết quả của 1 loạt các hoạt động cải tổ bao gồm cơ cấu lại tổ chức (nâng cấp Ban KSNB thành Ban QLRR), rà soát và nâng cấp lại bộ máy nhân sự (thay đổi cơ bản Ban QLNV và nhân sự các chi nhánh), ban hành lại hệ thống quy trình, quy chế chặt chẽ (trong năm 2011, PSI đã ban hành mới và sửa đổi bổ sung 43 quy trình quy chế).

Bên cạnh việc quản trị rủi ro, PSI vẫn tiếp tục phát triển hệ thống phần mềm giao dịch trực tuyến phục vụ khách hàng, đảm bảo mục tiêu chiến lược là công ty chứng khoán dẫn đầu về công nghệ. Năm 2011, PSI đã cập nhật các chính sách mới của Ủy ban chứng khoán Nhà nước như triển khai Sub Account theo Thông tư 74, đáp ứng tốt mọi nhu cầu của khách hàng, thí điểm triển khai MTS cho CBCNV Công ty.

Cho đến thời điểm hiện tại, PSI đã xây dựng được hệ thống Báo cáo phân tích có uy tín, đội ngũ chuyên gia phân tích có trình độ cao, đáp ứng mục tiêu chiến lược của Công ty trong giai đoạn hiện nay.

Năm 2011 cũng là năm mặc dù khó khăn nhưng PSI vẫn được các tổ chức, công chúng bình chọn các giải thưởng tiêu biểu như: Báo cáo thường niên tốt nhất, Đơn vị tư vấn tài chính tiêu biểu, Doanh nghiệp có thương hiệu nổi tiếng nhất ngành chứng khoán do người tiêu dùng bình chọn.

4. Kế hoạch kinh doanh năm 2012

4.1 Triển vọng kinh tế thế giới năm 2012

Khủng hoảng nợ châu Âu chưa thể được giải quyết trong năm 2012. Diễn biến cuộc khủng hoảng nợ này còn kéo dài và hệ lụy tới cả các tổ chức tài chính cũng như các ngân hàng lớn trên toàn cầu. Đi cùng với nó, tăng trưởng kinh tế của toàn khối EU sẽ suy yếu. GDP của khu vực Eurozone có thể sẽ giảm 0,8% trong năm 2012, ngang với mức suy giảm ở những thời điểm khắc nghiệt nhất trong thời kỳ suy thoái 1992-1993 tại nhóm nước này.

Tăng trưởng kinh tế toàn cầu có chiều hướng chậm lại trong năm 2012, bao gồm trong đó cả các quốc gia như Mỹ, Trung Quốc, v.v.... Tăng trưởng GDP Trung Quốc có thể sẽ chậm lại, xoay quanh khoảng 6% trong năm 2012. Theo dự báo của Goldman Sachs, kinh tế thế giới sẽ tăng trưởng 3,2% trong năm 2012, giảm 0,2 điểm phần trăm so với lần dự báo trước. Điều chỉnh dự báo tăng trưởng tổng sản phẩm quốc nội (GDP) toàn cầu năm 2012 từ 3,8% xuống 3,5%.

Thị trường chứng khoán toàn cầu sẽ có năm 2012 vô cùng khó khăn, tuy nhiên TTCK châu Á có thể sẽ có những diễn biến tích cực hơn. Năm 2012 thậm chí có thể là một năm dòng vốn đầu tư trên toàn cầu có sự dịch chuyển mạnh, mà nhiều chuyên gia đánh giá một trong những điểm đến của dòng vốn toàn cầu sẽ là những nền kinh tế mới nổi khu vực châu Á.

Đồng USD sẽ suy yếu, giá cả hàng hóa và vàng có xu hướng tiếp tục tăng. Bên cạnh đó, thế giới có thể sẽ còn phải đón nhận những cơn sóc dầu mỏ trong năm 2012 trước sự bất ổn đối với nguồn cung.

4.2 Dự báo kinh tế Việt Nam năm 2012

Kinh tế Việt Nam năm 2012 có thể diễn biến theo chiều hướng tích cực hơn năm 2011 và đi dần vào ổn định, tuy nhiên vẫn còn tồn tại nhiều khó khăn và thách thức.

Lạm phát năm 2012 có thể kiểm soát ở mức 1 con số (<10%): Chính sách tiền tệ chặt chẽ trong năm 2011, sau một khoảng thời gian độ trễ nhất định (6- 8 tháng) đã và đang thể hiện những hiệu quả rõ rệt. Sức cầu trong nền kinh tế đã giảm đáng kể và góp phần ổn định chỉ số giá tiêu dùng ngay từ khoảng thời gian đầu năm 2012. Yếu tố này cũng là nhân tố chính làm giảm sức ảnh hưởng đến lạm phát khi giá cả các mặt hàng năng lượng (than, điện, xăng, gas, v.v...) có chiều hướng tăng hoặc bị ảnh hưởng bởi diễn biến giá trên thị trường thế giới. Ngoài ra, nỗ lực của các cơ quan chức năng trong thời gian qua, giá thực phẩm, dịch vụ ăn uống cũng đã đi vào ổn định hơn năm 2011. Sự ổn định của thị trường vàng trong nước cùng với chính sách bình ổn tỷ giá cũng góp phần kiềm chế lạm phát.

Lạm phát hạ nhiệt mạnh trong năm 2012 là cơ sở tốt cho công cuộc hạ lãi suất. Trong năm 2012, mặt bằng lãi suất có thể sẽ có những đợt giảm, trung bình mỗi quý có khả năng giảm 1%. Nếu không có yếu tố đột biến tác động lên lạm phát thì lãi suất huy động cuối năm 2012 có thể ở mức 11 – 12%, mặt bằng lãi suất cho vay bình quân dao động quanh khoảng 15 – 18% tùy lĩnh vực, giảm 4 – 5% so với mức lãi suất cao nhất năm 2011. Mặc dù vậy, tín dụng các lĩnh vực không khuyến khích tiếp tục bị giới hạn bởi tỷ lệ 16% tổng dư nợ cho vay của tổ chức tín dụng. Các lĩnh vực nói chung như bất động sản, chứng khoán vẫn sẽ khó tiếp cận nguồn vốn tín dụng, và nếu tiếp cận được cũng sẽ khó vay được với lãi suất thấp.

Tỷ giá năm 2012 sẽ ổn định hơn năm 2011, và biến động cả năm có thể kiểm chế mức dưới 3%. Cơ sở vững chắc cho yếu tố này chính là nhu cầu ngoại tệ, tâm lý đầu cơ đã giảm thể hiện ngay ở sự ổn định của giá USD trong đợt tết nguyên đán. Bên cạnh đó, dự trữ ngoại hối 3 tháng đầu năm 2012 đã tăng rất đáng kể cũng là cơ sở vững chắc cho yếu tố này. Theo NHNN thì dự trữ ngoại hối đã tăng 30% so với cuối năm 2011, tăng 80% so với đầu năm 2011.

Tốc độ tăng trưởng GDP có chiều hướng chững lại, GDP cả năm 2012 có khả năng tăng trong khoảng 5,5 – 6%. Tổng cầu nền kinh tế giảm là nhân tố góp phần bình ổn lạm phát, tuy nhiên ở chiều ngược lại, yếu tố này cũng có tác động tiêu cực tới tăng trưởng kinh tế. Chỉ số hàng tồn kho có chiều hướng tăng lên, tình trạng đình đốn bắt đầu mạnh nha xuất hiện ngay từ những tháng đầu tiên năm 2012.

Doanh nghiệp sẽ vẫn chưa thoát khỏi khó khăn trong năm 2012. Chính sách tiền tệ vẫn còn đang duy trì chặt chẽ, mặc dù lãi suất đang trên đà giảm dần nhưng tính bình quân trong cả năm 2012 thì mức lãi suất doanh nghiệp phải “gánh” vẫn ở mức rất cao, chưa kể đến những khó khăn trong việc tiếp cận nguồn vốn. Bên cạnh đó, chi phí đầu vào tăng do tác động của quá trình thả nổi giá các mặt hàng năng lượng sẽ đẩy chi phí sản xuất tiếp tục tăng, ngược lại, hàng hóa lại khó tiêu thụ, tồn kho tiếp tục tăng cao.

Thị trường chứng khoán Việt Nam năm 2012 có thể có những sóng phục hồi mạnh trong ngắn hạn do đã qua giai đoạn sụt giảm mạnh trong năm 2011. Tuy nhiên, xét trên trung – dài hạn, năm 2012 TTCK sẽ thiên về ổn định và chưa có cơ sở vững chắc cho bước tăng đột phá. Sự phục hồi của TTCK năm 2012 có thể được thể hiện trên xu hướng tăng với góc tăng hẹp, nhưng biên độ dao động trong năm 2012 có thể sẽ lớn hơn nhiều so với năm ngoái.

4.3 Kế hoạch kinh doanh năm 2012

Trước những khó khăn trên, đối diện với thực tế năm 2012 khó có sự phục hồi mạnh của thị trường chứng khoán, PSI đã đưa ra kế hoạch kinh doanh năm 2012 như sau:

Đơn vị tính: Tỷ VNĐ

ST T	Khoản mục	Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	% Kế hoạch năm 2012/2011
		Năm 2011	Năm 2011	Năm 2012	
I	Tổng Doanh thu	351.70	176.42	180.47	102%
1	Môi giới chứng khoán	43.10	12.26	13.00	106%
2	Đầu tư chứng khoán	107.20	45.13	35.00	78%
3	Tư vấn & Bảo lãnh phát hành	31.50	18.35	35.20	192%
4	Lưu ký và QLCD	6.20	4.62	3.29	71%
5	Hoạt động khác	163.70	96.06	93.98	98%
II	Tổng Chi phí	250.30	269.61	173.08	64%
III	Lợi nhuận trước thuế	101.40	-93.19	7.39	

Doanh thu môi giới: PSI chủ trương tập trung chủ yếu vào nhóm khách hàng tạo hiệu quả cao cho Công ty, không đặt mục tiêu tăng thị phần giao dịch bằng mọi giá trong giai đoạn 2012-2015. Phí môi giới các tài khoản sẽ được phân loại và điều chỉnh phù hợp với định hướng tái cơ cấu mảng môi giới và dịch vụ tài chính.

Doanh thu Lưu ký và Quản lý cổ đông: dự kiến giảm trong năm 2012 do tốc độ niêm yết cổ phiếu của các doanh nghiệp dự kiến chậm lại.

Doanh thu Tư vấn và Bảo lãnh phát hành: PSI dự kiến sẽ phát triển mạnh mảng này, tập trung các nguồn lực, tập trung thời gian, cơ chế chính sách cho hoạt động tư vấn. Dự kiến doanh thu mảng này là 35.2 tỷ đồng.

Doanh thu Đầu tư: PSI chủ trương giảm tỷ trọng đầu tư trên vốn chủ sở hữu. Vì vậy, Công ty sẽ tìm cơ hội để thoái vốn trên danh mục đã đầu tư. Doanh thu dự kiến là 35 tỷ đồng chủ yếu từ cổ tức và lợi nhuận thu được từ việc bán cổ phiếu.

Doanh thu khác: bao gồm chủ yếu Doanh thu từ Dịch vụ tài chính, lãi tiền gửi, dự kiến giảm nhẹ so với năm 2011 do lãi suất năm 2012 dự kiến sẽ ổn định hơn năm 2011.

Chi phí năm 2012 không gồm trích lập dự phòng, lỗ bán chứng khoán, là 173.08 tỷ đồng. Trong đó:

+ Chi phí thuê văn phòng dự kiến khoảng 11 tỷ đồng, tiết kiệm được gần 5 tỷ đồng so với năm 2011.

+ Quỹ lương dự kiến là 28 tỷ đồng –giảm 45% so với quỹ lương đăng ký năm 2011 là 50.5 tỷ; Nhân sự bình quân là 184 người (đầu kỳ 222, cuối kỳ 145), thu nhập bình quân là 12.7 triệu đồng/tháng (so với quỹ lương năm 2011 sau khi thực hiện cắt giảm tối đa là 33.5 tỷ đồng, nhân sự bình quân 2011 là 233 người, thu nhập bình quân là 12 triệu đồng/tháng). Trong trường hợp không đạt được kế hoạch 2012 đã đặt ra, PSI chỉ thực hiện chi 80% quỹ lương, và mức thu nhập bình quân chỉ là 10.15 triệu đồng/tháng –tiếp tục giảm 15.4% so với mức thu nhập bình quân năm 2011.

Lợi nhuận trước thuế năm 2012 dự kiến là 7.39 tỷ đồng.

Để có thể thực hiện được kế hoạch kinh doanh 2012 như trên trong tình hình thị trường khó khăn như hiện nay, PSI đã xây dựng xong Đề án tái cấu trúc, đổi mới mô hình tăng trưởng để triển khai trong năm 2012. Trong đó, các hoạt động được ưu tiên phát triển phù hợp với tính hiệu quả và lợi thế của PSI, các nhiệm vụ trọng tâm từng mảng được đặt ra như sau:

Đối với hoạt động môi giới: tập trung vào phục vụ khách hàng tổ chức, các khách hàng cá nhân có giá trị giao dịch lớn, đặc biệt là các đơn vị trong Tập Đoàn và các Quỹ đầu tư lớn nước ngoài, khuyến khích khách hàng giao dịch qua Contact Center và Smart Invest để giảm chi phí duy trì các chi nhánh.

Đối với hoạt động đầu tư, cơ cấu lại danh mục cho phù hợp với điều kiện thị trường và tạo lợi nhuận cho PSI. Bên cạnh đó, làm việc trực tiếp để nắm bắt thông tin và phối hợp, hỗ trợ các doanh nghiệp PSI có cổ phiếu trong danh mục để họ thực hiện phương án chi trả cổ tức. Tăng cường quan hệ với các doanh nghiệp. Cử người vào HĐQT, Ban Kiểm soát doanh nghiệp để nắm rõ tình hình doanh nghiệp.

Đối với hoạt động dịch vụ tài chính: đẩy mạnh hoạt động mua bán kỳ hạn cổ phiếu, đảm bảo giải ngân vào các cổ phiếu an toàn, tính thanh khoản cao.

Đối với hoạt động tư vấn, tập trung nguồn lực vào hoạt động tư vấn M&A để gây dựng uy tín và thu được phí cũng như tạo cơ sở vững chắc cho các năm sau phát triển đạt mục tiêu chiến lược đề ra. Tập trung triển khai thành công quá trình thực hiện tái cấu trúc của Tập đoàn với vai trò đơn vị tư vấn đã được Tập đoàn chính thức giao nhiệm vụ. Đồng thời, phối hợp chặt chẽ và bám sát công tác xúc tiến đầu tư của Tập đoàn, trở thành đơn vị tư vấn đầu mối triển khai xúc tiến đầu tư trong và ngoài nước cho Tập đoàn. Mở rộng dịch vụ ngoài ngành phục vụ công cuộc tái cấu trúc các Tập đoàn của Chính phủ. Bên cạnh những sản phẩm tư vấn truyền thống, PSI sẽ nghiên cứu phát triển thêm các sản phẩm mới, đảm bảo đáp ứng đầy đủ các nhu cầu dịch vụ của Tập Đoàn và các đơn vị trong và ngoài ngành.

Về công nghệ thông tin: hoàn thiện những sản phẩm công nghệ tin học, đặc biệt gắn với bộ chỉ số PVN Index.

Tăng cường công tác quản trị rủi ro toàn hệ thống.

Liên hệ với các đơn vị trong Tập Đoàn để huy động được nguồn vốn thời hạn ổn định, chi phí phù hợp để đáp ứng nhu cầu vốn các hoạt động kinh doanh.

Thực hiện cắt giảm nhân sự các bộ phận không có hiệu quả để tăng cường cho các bộ phận đang hoạt động hiệu quả trên nguyên tắc tuân thủ Luật Lao động. Đảm bảo quỹ lương phù hợp với tình hình kinh doanh nhưng vẫn giữ được các nhân sự có trình độ chuyên môn tốt, đáp ứng yêu cầu công việc. Cho đến thời điểm

hiện tại, công tác này đã đạt được những kết quả nhất định: Nhân sự đầu năm là 222 người, hiện tại đã giảm xuống còn 145 người. Công ty cũng đã giảm đơn giá tiền lương từ 900.000đ xuống 750.000đ cho phù hợp với tình hình hoạt động còn chưa hiệu quả của Công ty.



2011

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN



PHẦN IV

**GIẢI TRÌNH BÁO CÁO KIỂM TOÁN
& BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Giải trình báo cáo kiểm toán: (Xem phụ lục 01 gửi kèm)

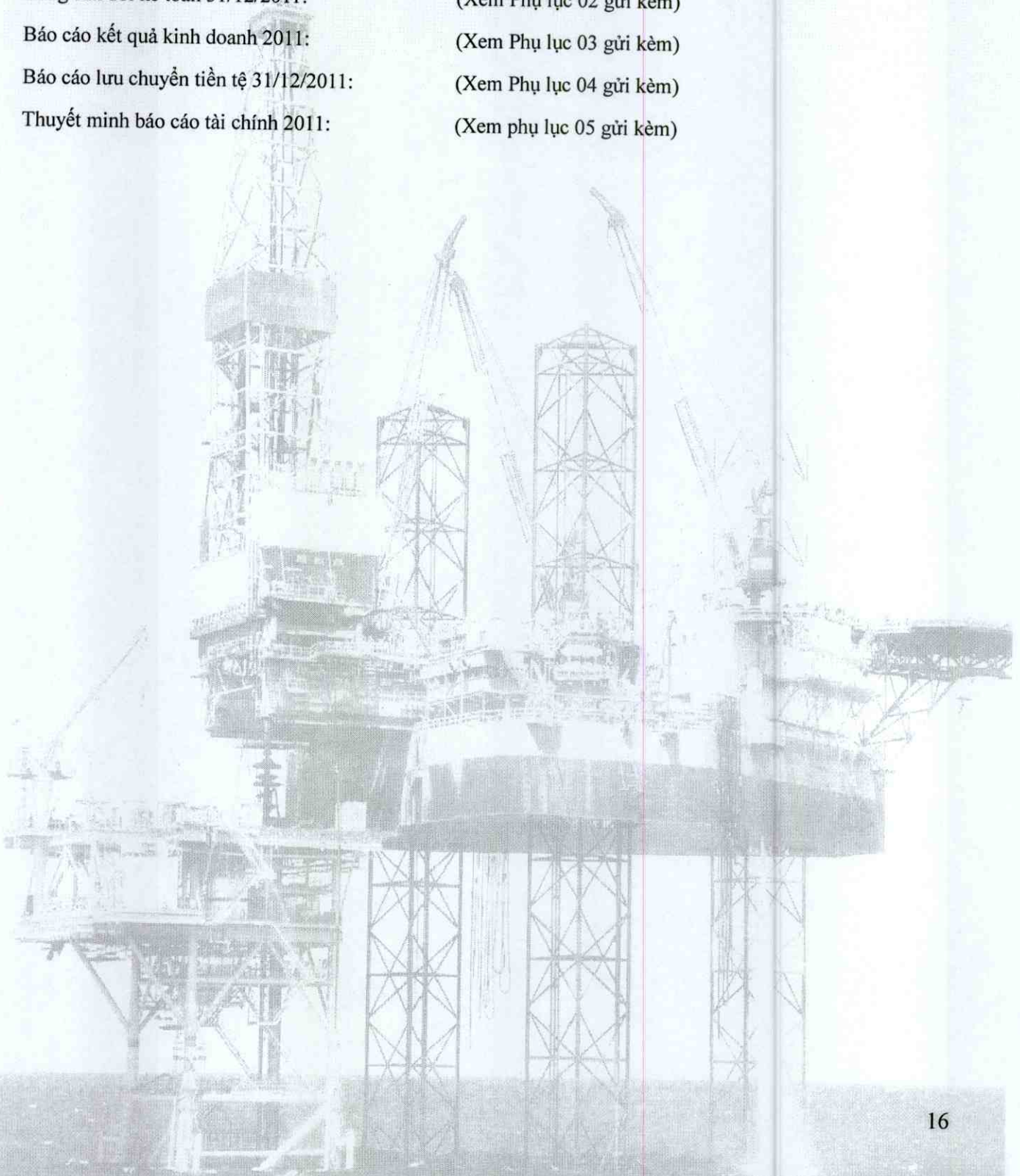
Các báo cáo tài chính đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về kế toán

Bảng cân đối kế toán 31/12/2011: (Xem Phụ lục 02 gửi kèm)

Báo cáo kết quả kinh doanh 2011: (Xem Phụ lục 03 gửi kèm)

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ 31/12/2011: (Xem Phụ lục 04 gửi kèm)

Thuyết minh báo cáo tài chính 2011: (Xem phụ lục 05 gửi kèm)



2011

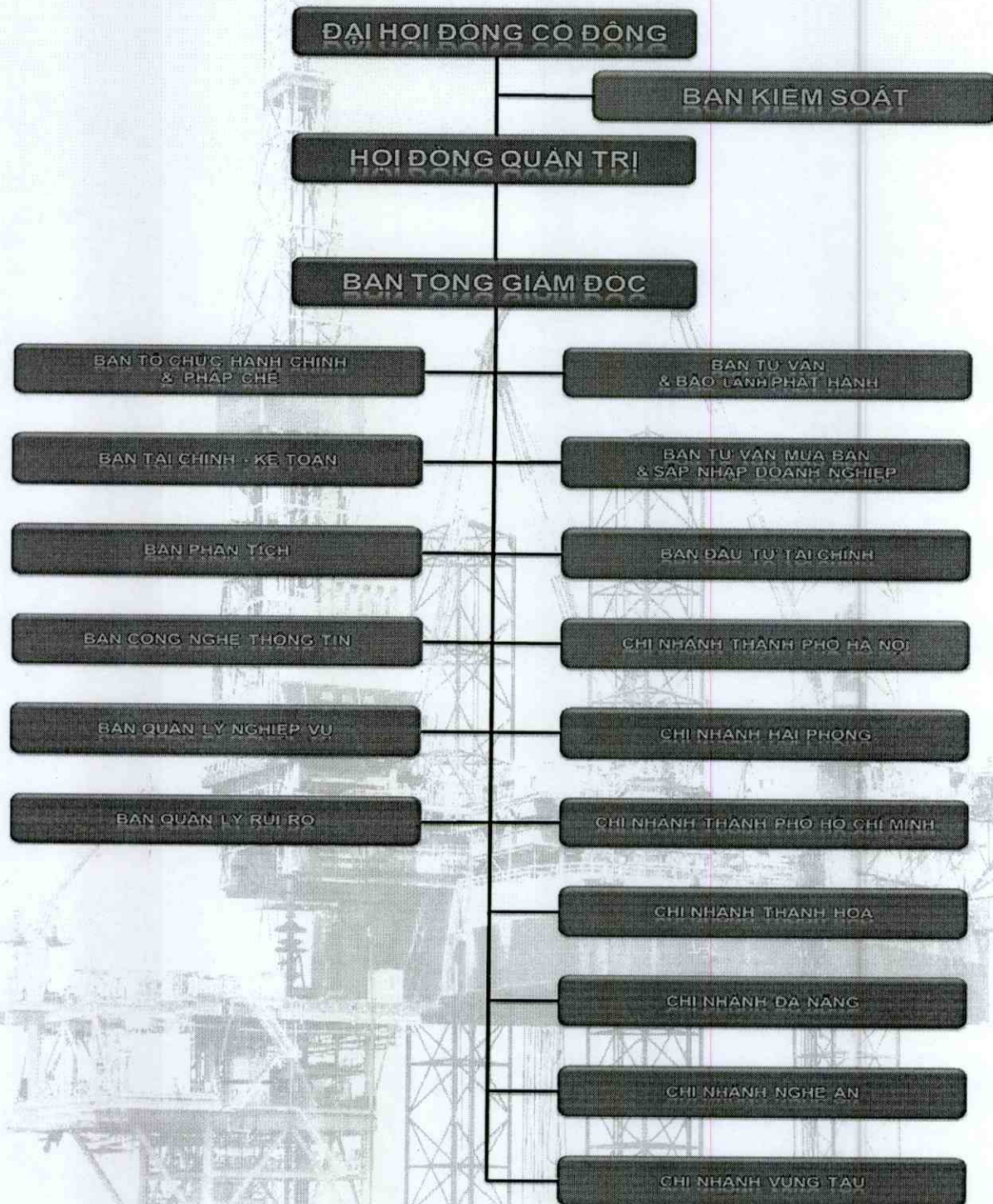
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN



PHẦN V

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

1. Cơ cấu tổ chức công ty



2. Tóm tắt lý lịch cá nhân trong Ban Điều hành

2.1. Ông Bùi Ngọc Thắng - Chủ tịch HĐQT

Thạc sỹ Kinh tế

20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực thương mại, tài chính và gần 10 năm kinh nghiệm về công tác quản lý.

1992 – 2006: Làm việc tại Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam

2007 – 4/2009: Phó Tổng giám đốc của Tổng Công ty Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam (PVI)

5/2009 – 10/2009: Tổng Giám đốc Công ty CP Chứng khoán Dầu khí

11/2009 đến nay: Chủ tịch Hội Đồng Quản trị Công ty CP Chứng khoán Dầu khí

2.2. Ông Phạm Quang Huy - Ủy viên HĐQT, Tổng Giám đốc

Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

16 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính, Chứng khoán

10/2003 – 5/2009: Phó Tổng Giám đốc Công ty Chứng khoán Bảo Việt

6/2009 – 10/2009: Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Chứng khoán Dầu khí

11/2009 đến nay: Tổng Giám đốc Công ty CP Chứng khoán Dầu khí

2.3. Ông Đoàn Thành Nhân - Ủy viên HĐQT chuyên trách

Thạc sỹ Luật học

1995 – 2007: Giảng viên Trường ĐH Luật

2007 – 2009: Phó phòng Pháp chế và KSNB Công ty CP Chứng khoán Bảo Việt

2009 – 2010: Giám đốc Ban TCHC&PC Công ty CP Chứng khoán Dầu khí

2010 – 2011: Trưởng ban TCNS Tổng Công ty Tài chính CP Dầu khí Việt Nam

2011 – nay: Ủy viên HĐQT chuyên trách, Công ty CP Chứng khoán Dầu khí

2.4. Ông Nguyễn Văn Nhiệm - Trưởng Ban Kiểm soát:

Thạc sỹ Tài chính Kế toán

16 năm kinh nghiệm chuyên sâu về ngành Kế toán và Kiểm toán.

12/2006 đến nay: làm việc tại Công ty CP Chứng khoán Dầu khí qua các chức vụ Kế toán trưởng, Trưởng Ban Kiểm soát

2.5. Ông Nguyễn Xuân Hưng - Phó Tổng Giám đốc

Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

16 năm kinh nghiệm chuyên sâu về tài chính, chứng khoán

8/2007 – 4/2009: Giám đốc Ban Đầu tư – Công ty CP Chứng khoán Dầu khí

5/2009 đến nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Chứng khoán Dầu khí

2.6. Ông Trần Hùng Dũng - Phó Tổng Giám đốc

Tiến sỹ Kinh tế

21 năm kinh nghiệm làm việc trong Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam

2007 đến nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Chứng khoán Dầu khí

2.7. Bà Hoàng Hải Anh - Phó Tổng Giám đốc

Cử nhân kinh tế, chuyên ngành Tài chính Ngân hàng

7/2007 – 7/2010: Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Đầu tư và Tư vấn Tài chính Dầu khí

8/2010 đến nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Chứng khoán Dầu khí.

2.8. Ông Trần Xuân Nam - Phó Tổng Giám đốc.

Cử nhân Quản trị kinh doanh

4/2003 – 12/2009: Giám đốc Tư vấn Tài chính doanh nghiệp tại Công ty CP Chứng khoán TP Hồ Chí Minh

2/2010 – 10/2010: Phó Giám đốc phụ trách chi nhánh TP HCM

10/2010 – 2/2012 : Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Chứng khoán Dầu khí kiêm Giám đốc chi nhánh TP HCM

3. Thay đổi Tổng Giám đốc điều hành trong năm

(Không có)

Số lượng cán bộ nhân viên tính đến ngày 31/12/2011: 242 người, cụ thể:

Trụ sở Hà Nội	112 người
Chi nhánh Hà Nội	36 người (bao gồm 3 chuyên viên Môi giới và Phát triển khách hàng (MGPTKH))
Chi nhánh HCM	47 người (bao gồm 02 chuyên viên MGPTKH)
Chi nhánh Vũng Tàu	10 người (bao gồm 01 chuyên viên MGPTKH)
Chi nhánh Đà Nẵng	10 người (bao gồm 03 chuyên viên MGPTKH)
Chi nhánh Hải Phòng	11 người (bao gồm 06 chuyên viên MGPTKH)
Chi nhánh Thanh Hóa	07 người (bao gồm 02 chuyên viên MGPTKH)
Chi nhánh Nghệ An	09 người (bao gồm 02 chuyên viên MGPTKH)

4. Thay đổi thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng

* Tại Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2011 với hình thức tổ chức là xin ý kiến cổ đông bằng văn bản ngày 17/8/2011:

Theo nghị quyết số 02/NQ-ĐHĐCĐ-CKDK ngày 17/8/2011 đã thông qua việc tăng số lượng thành viên HĐQT và bầu bổ sung thành viên của HĐQT:

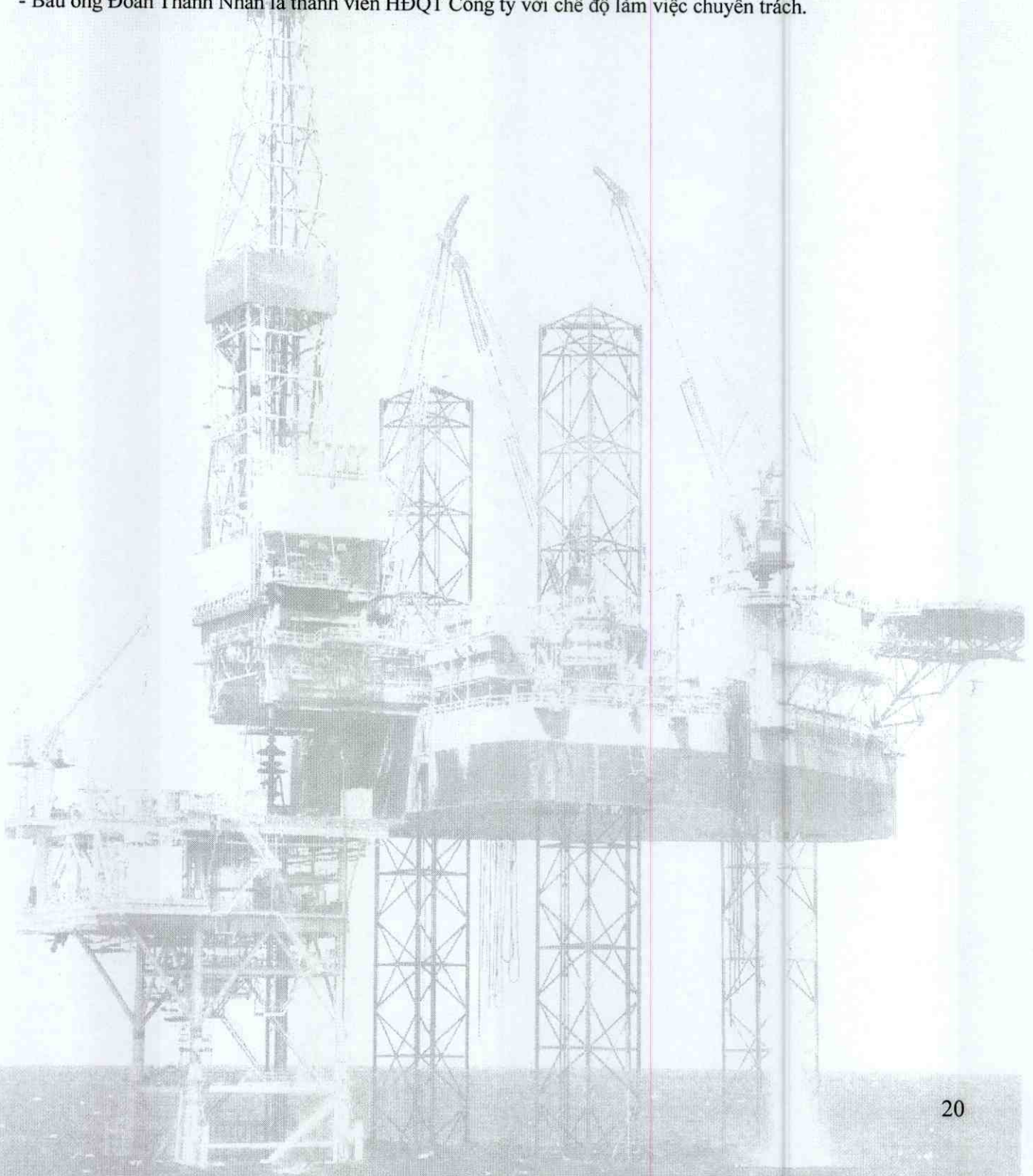
- Tăng số lượng thành viên HĐQT Công ty từ 05 thành viên lên 06 thành viên;

- Bầu bổ sung ông Hiroshi Kobayashi là thành viên HĐQT Công ty.

*** Tại cuộc họp Hội đồng quản trị ngày 29/11/2011 của Công ty:**

Thông qua nghị quyết số 07/NQ-ĐHĐCĐ-CKDK ngày 29/11/2011 đã thông qua việc thay đổi thành viên của HĐQT, cụ thể như sau:

- Miễn nhiệm chức danh ủy viên HĐQT đối với ông Nguyễn Hoàng Nam;
- Bầu ông Đoàn Thành Nhân là thành viên HĐQT Công ty với chế độ làm việc chuyên trách.



2011

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN



PHẦN VI
THÔNG TIN
CỔ ĐÔNG/THÀNH VIÊN GÓP VỐN
VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Thành viên và cơ cấu của HĐQT

STT	Tên thành viên	Chức vụ
1	Bùi Ngọc Thắng	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
2	Phạm Quang Huy	Ủy viên Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc
3	Nguyễn Việt Hà	Ủy viên Hội đồng Quản trị
4	Đoàn Thành Nhân	Ủy viên Hội đồng Quản trị chuyên trách
5	Trần Minh Hoàng	Ủy viên Hội đồng Quản trị
6	Hiroshi Kobayashi	Ủy viên Hội đồng Quản trị

2. Thành viên Ban Kiểm soát

STT	Tên thành viên	Chức vụ
1	Nguyễn Văn Nhiệm	Trưởng Ban kiểm soát
2	Nguyễn Việt Anh	Thành viên không chuyên trách Ban Kiểm soát
3	Nguyễn Duy Dũng	Thành viên không chuyên trách Ban Kiểm soát

❖ Hoạt động của HĐQT/Hội đồng thành viên:

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý cao nhất của Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty quyết định và thực hiện các quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty, ngoại trừ các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. HĐQT do Đại hội đồng cổ đông bầu ra với nhiệm kỳ không quá 5 năm.

❖ Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập không điều hành:

Thành viên HĐQT nghiên cứu, đánh giá tình hình kết quả hoạt động và đóng góp vào việc xây dựng phương hướng phát triển, kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong từng thời kỳ. Theo dõi, giám sát các hoạt động của Công ty theo từng lĩnh vực được phân công phụ trách.

Các thành viên HĐQT, Ban TGD đã được tham gia lớp đào tạo bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo quản lý chủ chốt do Tập đoàn Dầu khí Việt Nam tổ chức.

HĐQT thực hiện họp định kỳ hàng quý để quyết định các vấn đề hoạt động kinh doanh của Công ty thuộc thẩm quyền của HĐQT.

❖ Hoạt động của Ban kiểm soát/Kiểm soát viên:

Ban Kiểm soát gồm 03 thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát không quá 5 năm, là tổ chức thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty.

❖ Kế hoạch để tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị Công ty:

- Ban hành các văn bản phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên Hội đồng Quản trị;
 - Duy trì các cuộc họp định kỳ của Hội đồng Quản trị, xây dựng kênh thông tin thường xuyên giữa các thành viên HĐQT;
 - Xây dựng cơ chế và triển khai họp liên thông giữa HĐQT, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành Công ty;
 - Duy trì chế độ báo cáo của Ban Điều hành đối với HĐQT, tiếp tục triển khai minh bạch hóa hoạt động của Công ty.
- ❖ **Thù lao của HĐQT, Ban Kiểm soát:**
- Thù lao HĐQT (Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám Đốc): 59.850.000 đồng/người/tháng
 - Thù lao Ủy viên HĐQT chuyên trách: 25.415.600 đồng/ người/ tháng (3 tháng cuối năm 2011)
 - Thù lao Trưởng Ban Kiểm soát: 36.337.500 đồng
 - Thù lao của Ủy viên HĐQT không chuyên trách: 3.000.000 người/tháng x 3 người
 - Thù lao của thành viên Ban KS không chuyên trách: 2.000.000 người/tháng x 2 người
- ❖ **Số lượng thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc đã có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty:**
- Chủ tịch HĐQT Bùi Ngọc Thắng: đã hoàn thành khóa đào tạo bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo quản lý chủ chốt do Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt nam tổ chức.
 - Ủy viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Phạm Quang Huy: Đã hoàn thành khóa đào tạo bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo quản lý chủ chốt do Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam tổ chức.
- ❖ **Tỷ lệ sở hữu cổ phần và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần/vốn góp của thành viên HĐQT:**
- Ông Bùi Ngọc Thắng: đại diện cổ đông lớn Tổng công ty Tài chính CP Dầu khí Việt Nam (PVFC) nắm giữ 5.644.289 cổ phần (giá trị theo mệnh giá 56.644.289.000.000đ) tương đương 9,43% vốn điều lệ của PSI;
 - Ông Phạm Quang Huy: đại diện cổ đông lớn Công ty CP Du lịch biển Mỹ Khê nắm giữ 2.800.000 cổ phần (giá trị theo mệnh giá 28.000.000.000 đ) tương đương 4,68% vốn điều lệ của PSI;
 - Ông Đoàn Thành Nhân: đại diện cổ đông lớn Công ty CP Đầu tư Kinh doanh Tài sản Việt Nam nắm giữ 4.037.900 cổ phần (giá trị theo mệnh giá 40.037.900.000 đ) tương đương 6,75% vốn điều lệ của PSI;
 - Ông Nguyễn Việt Hà: đại diện cổ đông lớn Công ty CP Đầu tư tài chính Công đoàn Dầu khí Việt Nam (PVFI) nắm giữ 4.000.000 cổ phần (giá trị theo mệnh giá 40.000.000.000 đ) tương đương 6,68% vốn điều lệ của PSI;
 - Ông Trần Minh Hoàng: đại diện cổ đông Công ty CP Quản lý Quỹ Sài Gòn Hà Nội nắm giữ 8.659.000 cổ phần (giá trị theo mệnh giá 86.590.000.000 đ) tương đương 14,47% vốn điều lệ của PSI.

- Ông Hiroshi Kobayashi: Đại diện cổ đông Nikko Cordial Securities Inc. (nay là SMBC Nikko Securities Inc.) nắm giữ 8.916.300 cổ phần (giá trị theo mệnh giá 89.163.000.000 đ) tương đương 14,90% vốn điều lệ của PSI.
- ❖ **Thông tin về các giao dịch cổ phiếu/chuyển nhượng phần vốn góp của công ty của các thành viên Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên:**
 - Ngày 18/02/2011, Nikko Cordial Securities Inc. (nay là SMBC Nikko Securities Inc.) đã mua cổ phiếu trong đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ của PSI:
Số lượng cổ phiếu đăng ký mua: 8.916.300 CP.
Số lượng, tỷ lệ nắm giữ trước khi thực hiện giao dịch: 0 CP.
Số lượng cổ phiếu nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch: 8.916.300 CP.
Thời gian hoàn tất giao dịch: 18/02/2011.
 - Ngày 06/04/2011, Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam (PVFC) thông báo đăng ký giao dịch mua cổ phiếu PSI:
Số lượng cổ phiếu đăng ký mua: 1.000.000 CP
Số lượng cổ phần sở hữu trước khi thực hiện giao dịch: 4.574.289 CP.
Số lượng cổ phiếu người có liên quan đang nắm giữ: 190.500 CP.
Số lượng cổ phiếu nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch: 5.764.789 CP.
Thời gian dự kiến thực hiện giao dịch: từ ngày 13/04/2011 đến ngày 13/06/2011.
 - Ngày 07/04/2011, Công ty Cổ phần Đầu tư Tài Chính Công đoàn Dầu khí Việt Nam (PVFI) thông báo đăng ký giao dịch mua cổ phiếu PSI:
Số lượng cổ phiếu đăng ký mua: 1.000.000 CP.
Số lượng cổ phần sở hữu trước khi thực hiện giao dịch: 4.000.000 CP.
Số lượng cổ phiếu nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch: 5.000.000 CP.
Thời gian dự kiến thực hiện giao dịch: từ ngày 13/04/2011 đến ngày 13/06/2011.
 - Ngày 08/04/2011, Công ty Cổ phần Du lịch biển Mỹ Khê thông báo đăng ký giao dịch mua cổ phiếu PSI:
Số lượng cổ phiếu đăng ký mua: 1.000.000 CP.
Số lượng cổ phần sở hữu trước khi thực hiện giao dịch: 2.800.000 CP.
Số lượng cổ phiếu người có liên quan đang nắm giữ: 190.500 CP.
Số lượng cổ phiếu nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch: 3.990.500 CP.
Thời gian dự kiến thực hiện giao dịch: từ ngày 14/04/2011 đến ngày 14/06/2011.
 - Ngày 08/04/2011, Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Tài chính Dầu khí Việt Nam (PVFC Invest) thông báo giao dịch mua cổ phiếu PSI:
Số lượng cổ phiếu đăng ký mua: 1.000.000 CP.
Số lượng cổ phần sở hữu trước khi thực hiện giao dịch: 3.950.000 CP.
Số lượng cổ phiếu nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch: 4.950.000 CP.
Thời gian dự kiến thực hiện giao dịch: từ ngày 13/04/2011 đến ngày 13/06/2011.
 - Ngày 08/04/2011, Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam (PVFC) thông báo đăng ký giao dịch mua cổ phiếu PSI:

- Số lượng cổ phiếu đăng ký mua: 1.000.000 CP.
Số lượng, tỷ lệ nắm giữ trước khi thực hiện giao dịch: 6.574.289 CP.
Số lượng cổ phiếu người có liên quan đang nắm giữ: 190.500 CP.
Số lượng cổ phiếu nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch: 5.574.289 CP.
Thời gian dự kiến thực hiện giao dịch: từ ngày 30/05/2011 đến ngày 30/07/2011.
- Ngày 14/06/2011, Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Tài sản Dầu khí báo cáo kết quả giao dịch mua cổ phiếu PSI:
Số lượng cổ phiếu đăng ký giao dịch mua: 1.000.000 CP
Số lượng cổ phiếu giao dịch mua: 87.900 CP
Số lượng cổ phần sở hữu trước khi thực hiện giao dịch: 3.950.000 CP.
Số lượng cổ phiếu nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch: 4.037.900 CP.
Thời gian kết thúc giao dịch: 06/06/2011.
 - Ngày 17/06/2011, Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Công đoàn Dầu khí (PVFI) báo cáo kết quả giao dịch mua cổ phiếu PSI:
Số lượng cổ phiếu đăng ký giao dịch mua: 1.000.000 CP
Số lượng cổ phiếu giao dịch mua: 0 CP
Số lượng cổ phần sở hữu trước khi thực hiện giao dịch: 4.000.000 CP.
Số lượng cổ phiếu nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch: 4.000.000 CP.
Thời gian kết thúc giao dịch: 13/06/2011.
 - Ngày 29/07/2011, Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam (PVFC) báo cáo kết quả giao dịch mua cổ phiếu PSI:
Số lượng cổ phiếu giao dịch mua: 70.000 CP
Số lượng cổ phần sở hữu trước khi thực hiện giao dịch: 5.574.289 CP.
Số lượng cổ phiếu nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch: 5.644.289 CP.
Thời gian kết thúc giao dịch: 29/07/2011.
- ❖ Thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết với công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc điều hành, Ban kiểm soát và những người liên quan tới các đối tượng nói trên:
(Không có)

3. Các dữ liệu thống kê về cổ đông/thành viên góp vốn

1.1 Cổ đông/thành viên góp vốn Nhà nước:

(Không có)

Các Cổ đông lớn:

- ❖ Tên Công ty: Tổng công ty Cổ phần Tài chính Dầu khí Việt Nam
- Địa chỉ: 22 Ngô Quyền – Hoàn Kiếm - Hà Nội
- Tỷ lệ sở hữu CP: 5.644.289 cổ phần chiếm tỷ lệ 9,43% vốn điều lệ

- ❖ Tên Công ty: Công ty CP Quản lý quỹ đầu tư Sài Gòn – Hà Nội
Địa chỉ: Tầng 5, Tòa nhà Handico – số 34 Hai Bà Trưng, HN
Tỷ lệ sở hữu CP: 8.659.000 cổ phần chiếm tỷ lệ 14,47% vốn điều lệ.
- ❖ Tên Công ty: Công ty CP Đầu tư Tài chính Công Đoàn Dầu khí Việt Nam
Địa chỉ: 4A Láng Hạ, Thành Công, Ba Đình, Hà Nội
Tỷ lệ sở hữu CP: 4.000.000 cổ phần chiếm tỷ lệ 6,68% vốn điều lệ.
- ❖ Tên Công ty: Công ty CP Đầu tư Kinh doanh Tài Sản Việt Nam
Địa chỉ: Số 5, Lô 14A Khu ĐTM Trung Yên, Trung Hòa, Cầu Giấy, HN
Tỷ lệ sở hữu CP: 4.037.900 cổ phần chiếm tỷ lệ 6,75% vốn điều lệ.
- ❖ Tên Công ty: Nikko Cordial Securities Inc. (nay là SMBC Nikko)
Địa chỉ: 6-5, Nihonbashi Kabuto-cho, Chuo-ku, Tokyo, 103-8225 Japan
Tỷ lệ sở hữu CP: 8.916.300 cổ phần chiếm tỷ lệ 14,90% vốn điều lệ.

1.2 Cổ đông/thành viên góp vốn nước ngoài:

Cá nhân						
STT	Tên	ĐKSH	Ngày cấp	Nơi cấp	Địa chỉ	Số cổ phần
1	Dong Kon Shin	IS2157	11/12/2006	Korea, DPR of	CA1_6, Mỹ Phúc, Phú Mỹ Hưng, Q7, HCM	50
2	Hsin Hsieh Chang	IA3662	08/01/2010	Taiwan	NO 95, SEC 3, FUDAN RD., PINGJHEN CITY, TAOYUAN COUNTY 324, TAIWAN (R.O.C)	300
3	Ho Joong	IA0576	17/04/2008	Korea, Rep of	A9-26 My Phu2, PMH Q.7 HCMC	100
4	Junichi Ueyama	IS8832	10/12/2007	Japan	#16-034A, Prime Center 53 Quang Trung, Hủ nển	5,175
5	Kunio Nitta	I00092	22/12/2003	Japan	1-56-99 Sakaemachi, ushiku-shi, Ibaraki-ken, Japan	14,500
6	Lieo Po Cheng	IS5467	07/06/2007	Taiwan	4F, No9, Alley22, Lane 152, Sèc, Mincyuan E Rd, Jhongshan District, Ta	6,000
7	Le Tina	C0490422	27/06/2007	USA	D25 Khu Hải Quân, Đường Trần Nảo, Quận 2, TP.HCM	690
8	Lu Chia Yen	IA0292	31/03/2008	Taiwan	No.13, Lane 2, Sec.1, Liming Rd, Nantun District, Taichung City 408, Taiwan	2,000
9	Park Jin Ku	IS1112	12/06/2006	Korea, Rep of	AP 1A, Xa An Phu, Huyen Thuan An, Tinh Binh Doung,	276,100

					Vietnam	
10	Sato Hitoshi	IS5000	15/05/2007	Japan	CHIBA-KEN CHBA-SHI INAGE-KU NAGANUMAHARACHO 942-229	23,000
11	Shirakawa Yoshinori	IA3674	07/01/2010	Japan	1618-61, Tomitsuka cho, Naka ku, Hamamatsu city, Japan	4,500
12	Soon Ok Jang	IS0892	05/08/2004	Korea, DPR of	8A Ng Binh Khiem, Q1	5,000
13	Wakai Makoto	IS8992	19/12/2007	Japan	407, 3-6-20 Omoromachi, Naha-city, Japan	200
14	Wataru Miyazawa	IS3232	01/03/2007	Japan	6-5-5-603 chuourinkan Yamatoshi, Kanagawa-ken, Japan	600
15	Yutaka Noda	I00338	13/07/2005	Japan	993-5 Koyurugi Samukawamachi Kozagun Kanagawaken Japan	300
x	Cộng Cá nhân nước ngoài:					338,515
Tổ chức (không bao gồm tổ chức là cổ đông lớn)						
1	AIZAWA SECURITIES CO.,LTD	CA2521	15/10/2008	Japan	1-20-3, Nihonbashi, Chuo- Ku, Tokyo, JP 103-0027	10,000
2	IWAI SECURITIES CO., LTD	CA2539	22/10/2008	Japan	1-8-16 Kitahama Chuo-ku Osaka 541-0041 Japan	18,000
x	Cộng Tổ chức nước ngoài:					28,000

Trên đây là Báo cáo thường niên 2011 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí./.

2011

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN



PHỤ LỤC 01

GIẢI TRÌNH BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Số: *1290* /Deloitte-AUDHN-RE

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí**

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính") của Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí (gọi tắt là "Công ty"), từ trang 4 đến trang 26. Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc tại trang 1, Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập các báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Ngoại trừ các vấn đề hạn chế phạm vi kiểm toán được trình bày sau đây, chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám đốc, cũng như cách trình bày tổng quát của các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Như trình bày tại Thuyết minh số 6, phần Thuyết minh báo cáo tài chính, tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, căn cứ báo giá của ba (3) công ty chứng khoán, Công ty đã không trích lập dự phòng giảm giá cho các khoản đầu tư cổ phiếu chưa niêm yết (OTC) với tổng giá trị khoản đầu tư là 281.597.277.188 đồng và các khoản ủy thác đầu tư cổ phiếu OTC với giá trị đầu tư là 55.802.936.710 đồng. Chúng tôi không thể xác định được mức độ hợp lý của các báo giá về giá trị thị trường của các cổ phiếu chưa niêm yết của Công ty để xác định dự phòng giảm giá khoản đầu tư ngắn hạn. Do đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến về các khoản dự phòng giảm giá các khoản đầu tư cổ phiếu chưa niêm yết OTC của Công ty và các ảnh hưởng tới các khoản mục khác có liên quan trên báo cáo tài chính.

Như trình bày tại Thuyết minh số 7, phần Thuyết minh báo cáo tài chính, tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, nhà đầu tư đã sử dụng các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thành phố Hồ Chí Minh và một số tài sản khác với tổng giá trị 62.824.004.303 đồng để đảm bảo cho khả năng thanh toán của một số hợp đồng hợp tác đầu tư khi chứng khoán hợp tác đầu tư đã bị suy giảm giá trị (phản ánh trên khoản mục phải thu khác với giá trị là 56.191.530.418 đồng). Công ty đã ký hợp đồng với một công ty thẩm định giá độc lập để định giá các quyền sử dụng đất nêu trên. Tuy nhiên, hai (2) lô đất với tổng giá trị 20.621.240.000 đồng được định giá dựa trên giá định các lô đất này sẽ được chuyển đổi thành công mục đích sử dụng từ đất trồng cây lâu năm và đất trồng lúa thành đất ở. Tại ngày báo cáo này, việc chuyển đổi mục đích sử dụng của hai (2) lô đất trên chưa hoàn thành. Do đó, chúng tôi không thể xác định được giá trị của các Quyền sử dụng đất nêu trên có đảm bảo cho khả năng thanh toán các khoản công nợ hợp tác đầu tư trình bày ở trên hay không.

Như trình bày tại Thuyết minh số 9, phần Thuyết minh báo cáo tài chính, trong năm, Công ty đã ghi nhận tăng doanh thu và khoản phải thu phần doanh thu cổ tức năm 2011 từ một khoản đầu tư với số tiền 11.006.414.000 đồng trên cơ sở Hội đồng Quản trị của đơn vị nhận đầu tư đã đồng ý chủ trương tạm ứng 10% cổ tức năm 2011 cho Công ty. Tuy nhiên, đến ngày lập báo cáo này, đơn vị nhận đầu tư chưa chính thức công bố cho các cổ đông về việc chia cổ tức và chưa thanh toán tiền tạm ứng cổ tức nêu trên cho Công ty. Nếu ghi nhận doanh thu tại thời điểm Công ty chính thức được quyền nhận cổ tức, doanh thu từ hoạt động kinh doanh chứng khoán và khoản phải thu khác sẽ giảm tương ứng 11.006.414.000 đồng.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN (Tiếp theo)

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề trình bày ở trên, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.



Phạm Hoài Nam
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0042/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 30 tháng 3 năm 2012
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Đặng Văn Khải
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0758/KTV

34
H
T
VA
TP

2011

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN



PHỤ LỤC 02

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

31/12/2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

MÃ SỐ B 01-CTCK
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	31/12/2010
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		933.890.018.571	1.615.225.424.430
(100=110+120+130+140+150)				
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	200.680.087.112	669.525.119.879
1. Tiền	111		200.180.087.112	609.825.119.879
2. Các khoản tương đương tiền	112		500.000.000	59.700.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	602.739.670.140	628.959.695.317
1. Đầu tư ngắn hạn	121		632.255.176.819	654.177.994.428
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(29.515.506.679)	(25.218.299.111)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		122.161.795.152	307.781.638.062
1. Phải thu khách hàng	131	7	86.880.260.155	27.610.019.247
2. Trả trước cho người bán	132		306.684.239	2.508.511.049
3. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	135	8	5.025.795.699	30.723.595.000
4. Các khoản phải thu khác	138	9	67.993.089.882	246.939.512.766
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(38.044.034.823)	-
IV. Hàng tồn kho	140		588.983.722	451.901.600
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		7.719.482.445	8.507.069.572
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.287.366.440	1.675.856.882
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		38.253.693	10.403.569
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154		85.580.739	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		6.308.281.573	6.820.809.121
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260)	200		217.875.293.736	90.291.443.118
I. Tài sản cố định	220		24.651.424.153	26.095.536.358
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	14.696.653.042	15.891.888.990
- Nguyên giá	222		26.699.662.231	23.151.916.716
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(12.003.009.189)	(7.260.027.726)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	9.434.727.325	5.929.368.618
- Nguyên giá	228		13.397.498.795	8.347.933.480
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.962.771.470)	(2.418.564.862)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		520.043.786	4.274.278.750
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	12	180.646.453.460	55.000.000.000
1. Đầu tư dài hạn khác	258		180.646.453.460	55.000.000.000
III. Tài sản dài hạn khác	260		12.577.416.123	9.195.906.760
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		4.692.464.724	4.170.640.308
2. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	263		2.974.680.844	1.299.526.404
3. Tài sản dài hạn khác	268		4.910.270.555	3.725.740.048
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		1.151.765.312.307	1.705.516.867.548

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 26 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU SỐ B 01-CTCK
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	31/12/2010
A - NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		560.797.140.773	1.107.477.656.243
I Nợ ngắn hạn	310		560.786.668.031	1.107.338.656.243
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	13	25.000.000.000	-
2. Phải trả người bán	312		190.761.466	83.511.440
3. Người mua trả tiền trước	313		278.307.688	1.242.403.476
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	14	633.342.698	4.030.431.133
5. Phải trả người lao động	315		3.159.024.692	1.144.688.010
6. Chi phí phải trả	316		21.394.230.629	8.938.402.558
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	15	368.286.079.430	656.155.401.507
8. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320		129.792.780.721	414.335.749.094
9. Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	321		11.607.843.066	21.199.852.897
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		(6.837.077)	208.216.128
11. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	328		451.134.718	-
II Nợ dài hạn	330		10.472.742	139.000.000
1. Dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư	359		10.472.742	139.000.000
B - NGUỒN VỐN (400=410)	400		590.968.171.534	598.039.211.305
I Vốn chủ sở hữu	410	16	590.968.171.534	598.039.211.305
1. Vốn điều lệ	411		598.413.000.000	509.250.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		67.439.970.360	27.055.378.000
3. Quỹ dự phòng tài chính	418		6.740.232.026	6.740.232.026
4. Lỗ lũy kế/Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(81.625.030.852)	54.993.601.279
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		1.151.765.312.307	1.705.516.867.548

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 26 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU SỐ B 01-CTCK
Đơn vị: VND

	Mã số	31/12/2011	31/12/2010
1. Chứng khoán lưu ký	006	5.409.524.260.000	5.669.891.200.000
1.1. Chứng khoán giao dịch	007	4.769.656.310.000	4.288.796.340.000
1.1.1. Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	008	41.720.290.000	39.303.810.000
1.1.2. Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	009	4.727.743.620.000	4.247.727.730.000
1.1.3. Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	010	192.400.000	1.764.800.000
1.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	012	383.797.950.000	1.341.524.720.000
1.2.1. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	014	294.634.950.000	1.341.524.720.000
1.2.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng nước ngoài	015	89.163.000.000	-
1.3. Chứng khoán cầm cố	017	88.000.000.000	10.000.000.000
1.3.1. Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước	019	88.000.000.000	10.000.000.000
1.4. Chứng khoán chờ thanh toán	027	25.746.400.000	28.824.500.000
1.4.1. Chứng khoán chờ thanh toán của thành viên lưu ký	028	106.000.000	9.800.000
1.4.2. Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng	029	25.640.400.000	28.814.700.000
1.5. Chứng khoán phong tỏa chờ rút	032	102.000.000.000	-
1.5.1. Chứng khoán phong tỏa chờ rút của khách hàng trong nước	034	102.000.000.000	-
1.6. Chứng khoán chờ giao dịch	037	40.323.600.000	745.640.000
1.6.1. Chứng khoán chờ giao dịch của thành viên lưu ký	038	20.000	340.000
1.6.2. Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước	039	20.323.580.000	745.300.000
1.6.3. Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước	040	20.000.000.000	-
2. Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết	050	607.873.370.000	618.003.720.000
3. Chứng khoán chưa lưu ký của công ty chứng khoán	083	-	93.762.460.000



Phạm Quang Huy
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2012

Trần Ngọc Đốc
Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 26 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

2011

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN



PHỤ LỤC 03

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH 2011

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU SỐ B 02-CTCK
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2011	Năm 2010
1. Doanh thu hoạt động kinh doanh chứng khoán	01		176.416.526.183	258.656.043.296
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1		12.258.611.557	28.247.400.990
Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	01.2		45.128.619.481	82.343.172.104
Doanh thu bảo lãnh phát hành chứng khoán	01.3		-	5.950.578.000
Doanh thu hoạt động tư vấn	01.5		18.348.884.181	18.181.140.043
Doanh thu lưu ký chứng khoán	01.6		4.619.334.794	4.635.466.389
Doanh thu khác	01.9	17	96.061.076.170	119.298.285.770
2. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	10		176.416.526.183	258.656.043.296
3. Chi phí hoạt động kinh doanh	11	18	150.646.450.295	107.472.357.694
4. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh (20=10-11)	20		25.770.075.888	151.183.685.602
5. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	19	118.968.305.559	65.498.335.677
6. (Lỗ)/Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20-25)	30		(93.198.229.671)	85.685.349.925
7. Thu nhập khác	31		186.862.760	1.200.000
8. Chi phí khác	32		196.643.634	11.044.682
9. (Lỗ) khác (40=31-32)	40		(9.780.874)	(9.844.682)
10. Tổng (Lỗ)/Lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		(93.208.010.545)	85.675.505.243
11. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		48.832.402	20.746.252.597
12. (Lỗ)/Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		(93.256.842.947)	64.929.252.646
13. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		-	1.418



Phạm Quang Huy
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2012

Trần Ngọc Đốc
Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 26 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

2011

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN



PHỤ LỤC 04

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

31/12/2012

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU SỐ B 03-CTCK
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2011	Năm 2010
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. (Lỗ) trước thuế	01	(93.208.010.545)	85.675.505.243
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	6.301.181.475	4.559.721.616
Các khoản dự phòng	03	42.341.242.391	19.730.446.313
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(44.345.500.476)	(2.690.494.854)
Chi phí lãi vay	06	326.250.000	41.283.080.922
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(88.584.837.155)	148.558.259.240
Giảm/(Tăng) các khoản phải thu	09	142.485.690.616	(200.464.418.466)
(Tăng) hàng tồn kho	10	(137.082.122)	(449.551.601)
(Giảm)/Tăng các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(570.185.084.782)	748.688.915.590
(Tăng) chi phí trả trước và tài sản ngắn hạn	12	(76.757.650.090)	(40.429.005.273)
Tiền lãi vay đã trả	13	(326.250.000)	(54.811.424.356)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(3.004.364.325)	(17.790.720.674)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(3.992.508.976)	(7.311.877.310)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20	<i>(600.502.086.834)</i>	<i>575.990.177.150</i>
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(32.647.409.791)	(8.622.992.359)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	90.117.471	-
3. Tiền thu hồi/(chi) đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	5.066.297.048	(55.000.000.000)
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	44.369.320.899	2.690.494.854
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30	<i>16.878.325.627</i>	<i>(60.932.497.505)</i>
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	129.547.592.360	117.055.378.000
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	25.000.000.000	-
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	-	(300.000.000.000)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(39.768.863.920)	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	<i>114.778.728.440</i>	<i>(182.944.622.000)</i>
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)</i>	50	<i>(468.845.032.767)</i>	<i>332.113.057.645</i>
Tiền và tương đương tiền tồn đầu năm	60	669.525.119.879	337.412.062.234
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60)	70	<u>200.680.087.112</u>	<u>669.525.119.879</u>



Phạm Quang Huy
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2012

Trần Ngọc Đốc
Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 26 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

MÃ SỐ B 05-CTCK
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư đầu năm		Số tăng/giảm				Số dư cuối năm	
		Năm 2010	Năm 2011	Năm 2010		Năm 2011		Năm 2010	Năm 2011
				Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	16	397.250.000.000	509.250.000.000	112.000.000.000	-	89.163.000.000	-	509.250.000.000	598.413.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	16	22.000.000.000	27.055.378.000	5.055.378.000	-	40.384.592.360	-	27.055.378.000	67.439.970.360
Quỹ dự phòng tài chính	16	257.656.762	6.740.232.026	6.492.925.264	10.350.000	-	-	6.740.232.026	6.740.232.026
Lợi nhuận chưa phân phối	16	2.281.621.815	54.993.601.279	64.929.252.646	12.217.273.182	-	136.618.632.131	54.993.601.279	(81.625.030.852)
		421.789.278.577	598.039.211.305	188.477.555.910	12.227.623.182	129.547.592.360	136.618.632.131	598.039.211.305	590.968.171.534



Phạm Quang Huy
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2012

Trần Ngọc Đốc
Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 26 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

2011

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN



PHỤ LỤC 05

THUYẾT MINH
BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí (gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần do Tập đoàn Dầu khí Việt Nam cùng với các cổ đông chiến lược khác thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép kinh doanh số 0103014903 ngày 14 tháng 12 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp và Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 26/UBCK-GPHĐKD ngày 19 tháng 12 năm 2006 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp với số vốn điều lệ ban đầu là 150.000.000.000 đồng. Theo Giấy phép điều chỉnh số 15/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 18 tháng 2 năm 2011, vốn điều lệ đăng ký của Công ty là 598.413.000.000 đồng.

Ngày 21 tháng 7 năm 2010, cổ phiếu của Công ty đã được chính thức giao dịch trên Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội).

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là: 223 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2010: 248 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Công ty hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán.

Hoạt động chính của Công ty là môi giới chứng khoán; tư vấn tài chính, tư vấn đầu tư chứng khoán; tự doanh chứng khoán; bảo lãnh phát hành chứng khoán và lưu ký chứng khoán.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán được Bộ Tài chính ban hành kèm theo Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán, Chế độ kế toán doanh nghiệp được Bộ Tài chính ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG CÁC CHUẨN MỰC VÀ HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 20 tháng 10 năm 2010, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 162/2010/TT-BTC hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán. Thông tư số 162/2010/TT-BTC hướng dẫn sửa đổi, bổ sung một số điểm về phân loại và trình bày, sửa đổi mã số và cơ sở lấy dữ liệu để lập một số chỉ tiêu trên báo cáo tài chính. Thông tư này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2011. Công ty bắt đầu thực hiện áp dụng Thông tư này cho việc lập các báo cáo tài chính trong năm 2011.

Ngày 06 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC ("Thông tư 210") hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư 210 yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31 tháng 12 năm 2011. Công ty đã áp dụng Thông tư 210 và trình bày các thuyết minh bổ sung về việc áp dụng này trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 tại Thuyết minh số 24.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định hiện hành khác có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, chi phí phải trả và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Tiền gửi ngân hàng bao gồm tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán phản ánh các khoản đặt cọc ủy thác của nhà đầu tư chứng khoán tại ngân hàng chỉ định cho mục đích thực hiện các giao dịch chứng khoán.

Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán là các khoản đặt cọc cho việc thực hiện các giao dịch xóa lệnh và khớp lệnh tại Trung tâm Giao dịch chứng khoán và Trung tâm Lưu ký chứng khoán.

Đầu tư tài chính ngắn hạn

Đầu tư tài chính ngắn hạn bao gồm chứng khoán thương mại và các khoản đầu tư ngắn hạn khác của Công ty. Đầu tư ngắn hạn khác chủ yếu bao gồm hình thức "hợp tác đầu tư, ủy thác quản lý danh mục đầu tư, ủy thác quản lý vốn" với nhà đầu tư. Theo đó, lợi nhuận phân chia cho Công ty không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của nhà đầu tư; Công ty được hưởng lợi nhuận theo tỷ lệ cố định trên phần vốn hợp tác của mình, theo số ngày thực tế hợp tác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Đầu tư tài chính ngắn hạn (Tiếp theo)

Đầu tư ngắn hạn được ghi nhận theo giá gốc trừ dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn.

Dự phòng giảm giá cho các khoản đầu tư được Công ty vận dụng theo như hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp. Theo đó:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết, Công ty áp dụng giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng đối với chứng khoán niêm yết tại sàn HNX và giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng đối với chứng khoán niêm yết tại sàn HOSE.
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết, dự phòng giảm giá cho các chứng khoán được thực hiện trên cơ sở đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về giá trị suy giảm của các cổ phiếu, dựa trên việc tham khảo báo giá của 3 công ty chứng khoán khác do Công ty thu thập bao gồm: Công ty Cổ phần Chứng khoán Sao Việt, Công ty Cổ phần Chứng khoán Phố Wall và Công ty Cổ phần Chứng khoán Châu Á Thái Bình Dương.
- Đối với hoạt động hợp tác đầu tư, dự phòng giảm giá cho được thực hiện trên cơ sở đánh giá của Ban Tổng Giám đốc đối với từng hợp đồng hợp tác đầu tư phù hợp với điều kiện thị trường chứng khoán tại thời điểm trích lập dự phòng.

Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn được ghi nhận vào chi phí hoạt động kinh doanh chứng khoán của Công ty.

Giá gốc của các khoản đầu tư xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phải thu khách hàng

Phải thu khách hàng bao gồm phải thu phí cung cấp dịch vụ môi giới, tư vấn cho nhà đầu tư, lãi dự thu về dịch vụ tài chính, và các khoản phải thu về dịch vụ khác. Các khoản phải thu khách hàng được phản ánh theo giá gốc.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi đối với các khoản nợ quá hạn thanh toán được trích lập theo các quy định hiện hành và theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về khả năng thu hồi tại thời điểm ngày kết thúc niên độ kế toán.

Đầu tư tài chính dài hạn

Đầu tư tài chính dài hạn được phản ánh theo giá gốc trừ dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn được trích lập nếu tổ chức kinh tế mà Công ty đang đầu tư bị lỗ theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 07 tháng 12 năm 2009. Dự phòng được xác định trên cơ sở chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ vốn đầu tư của doanh nghiệp so với tổng vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu

Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu phản ánh số phải trả và tình hình thanh toán cổ tức, gốc và lãi trái phiếu mà Công ty phải trả hộ cho các chủ sở hữu chứng khoán do tổ chức phát hành chứng khoán ủy quyền. Phải trả cổ tức cho cổ đông phản ánh số phải trả và tình hình thanh toán cổ tức, lãi chia cho cổ đông, người góp vốn, bên góp vốn của công ty chứng khoán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán

Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán phản ánh khoản tiền Công ty nhận từ các nhà đầu tư để thực hiện các giao dịch môi giới chứng khoán và quản lý tài khoản giao dịch chứng khoán cho nhà đầu tư.

Doanh thu

Hoạt động môi giới chứng khoán cho nhà đầu tư

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi thực thu.

Hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn

Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn bao gồm các khoản chênh lệch lãi bán chứng khoán tự doanh của công ty chứng khoán (được ghi nhận dựa trên Thông báo kết quả thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán của Trung tâm Lưu ký chứng khoán) và khoản thu lợi tức cổ phiếu, lãi trái phiếu, thu từ hoạt động góp vốn liên doanh, liên kết (lãi đầu tư cổ phiếu được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở thông báo chia lãi của tổ chức có cổ phần do Công ty nắm giữ; lãi đầu tư trái phiếu và lãi từ hoạt động góp vốn liên doanh, liên kết được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dồn tích).

Hoạt động bảo lãnh phát hành, đại lý phát hành chứng khoán

Doanh thu hoạt động bảo lãnh phát hành và đại lý phát hành chứng khoán được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi hoàn thành việc thông báo kết quả phát hành chứng khoán.

Hoạt động tư vấn

Doanh thu từ hoạt động tư vấn được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi hoàn thành dịch vụ và khách hàng chấp nhận thanh toán.

Hoạt động lưu ký chứng khoán

Doanh thu từ hoạt động lưu ký chứng khoán cho nhà đầu tư được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi thực thu.

Hoạt động ủy thác đầu giá

Doanh thu hoạt động ủy thác đầu giá được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi thực thu.

Doanh thu khác

Doanh thu khác bao gồm doanh thu lãi tiền gửi ngân hàng, lãi kỳ phiếu ngân hàng, lãi thu được từ hợp đồng bán chứng khoán. Doanh thu khác được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dồn tích.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Công ty có khoản lỗ tính thuế có thể được dùng để khấu trừ với lợi nhuận chịu thuế trong tương lai trong vòng 5 năm kể từ năm phát sinh. Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại nào cho khoản lỗ tính thuế này do không chắc chắn về thời điểm có thể sử dụng bù trừ với lợi nhuận chịu thuế trong tương lai.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Tiền mặt	554.082.600	785.099.089
Tiền gửi ngân hàng	196.248.555.342	597.890.912.505
<i>Trong đó: Tiền gửi của Nhà đầu tư</i>	<i>139.306.121.934</i>	<i>408.916.492.769</i>
Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán	3.377.449.170	11.149.108.285
<i>Trong đó: Tiền gửi của Nhà đầu tư</i>	<i>1.132.510.002</i>	<i>6.459.427.176</i>
Các khoản tương đương tiền	500.000.000	59.700.000.000
	200.680.087.112	669.525.119.879

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Chứng khoán kinh doanh		
Cổ phiếu chưa niêm yết (i)	281.597.277.188	84.011.297.788
Cổ phiếu niêm yết	59.140.900.613	72.443.981.979
Trái phiếu	-	102.000.000
	340.738.177.801	156.557.279.767
Đầu tư ngắn hạn khác		
Hợp tác đầu tư, ủy thác quản lý vốn, ủy thác quản lý danh mục đầu tư (ii)	204.560.420.788	471.974.634.661
Hợp đồng mua chứng khoán có kỳ hạn	7.784.955.000	24.646.080.000
Giao dịch ký quỹ chứng khoán (iii)	79.171.623.230	-
Tiền gửi có kỳ hạn	-	1.000.000.000
	291.516.999.018	497.620.714.661
Trừ: Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		
Dự phòng chứng khoán chưa niêm yết	-	(2.742.730.028)
Dự phòng chứng khoán niêm yết	(12.516.001.933)	(13.913.100.376)
Dự phòng hợp tác đầu tư, ủy thác quản lý danh mục đầu tư (*)	(16.999.504.746)	(8.562.468.707)
	(29.515.506.679)	(25.218.299.111)
Đầu tư tài chính ngắn hạn	602.739.670.140	628.959.695.317

(i) Đối với các khoản đầu tư ngắn hạn cổ phiếu chưa niêm yết, tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Công ty đã đánh giá một cách thận trọng và dựa trên cơ sở thu thập báo giá của 3 công ty chứng khoán (trình bày tại Thuyết minh số 4) và khẳng định Công ty không phải trích lập dự phòng giảm giá cho các khoản đầu tư này.

(ii) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, trong tổng số dư khoản hợp tác đầu tư, ủy thác quản lý vốn và ủy thác quản lý danh mục đầu tư bao gồm:

- a) 107,7 tỷ đồng là giá trị chứng khoán OTC được Công ty ủy thác mua trong năm 2011. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Công ty đã đánh giá một cách thận trọng và dựa trên cơ sở thu thập báo giá của 3 công ty chứng khoán và khẳng định Công ty không phải trích lập dự phòng giảm giá cho các khoản đầu tư này.
- b) 10,5 tỷ đồng là giá trị các hợp đồng hợp tác đầu tư giữa Công ty với một nhóm các nhà đầu tư cá nhân tại Thành phố Hồ Chí Minh. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2011, giá trị các hợp đồng hợp tác đầu tư này đã cao hơn thị giá chứng khoán và Công ty đã trích lập dự phòng giảm giá cho các khoản hợp tác đầu tư này.
- c) 80,5 tỷ đồng là giá trị các hợp đồng ủy thác quản lý vốn và hợp đồng hợp tác đầu tư. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Công ty không phải trích lập dự phòng các hợp đồng này.

Trong năm Công ty đã phân loại một khoản ủy thác đầu tư ngắn hạn với giá trị 180.646.453.460 đồng sang đầu tư tài chính dài hạn (Thuyết minh số 12).

(iii) Giao dịch ký quỹ chứng khoán phản ánh số tiền Công ty đã cấp cho nhà đầu tư thông qua dịch vụ và tài khoản ký quỹ. Công ty kiểm soát rủi ro hoạt động này thông qua việc quản lý số lượng và giá trị chứng khoán tại từng thời điểm.

(*) Trong đó bao gồm 9.047.740.000 đồng là giá trị dự phòng cổ phiếu niêm yết thuộc danh mục ủy thác đầu tư Công ty chịu rủi ro.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN (Tiếp theo)

Chi tiết dự phòng các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn:

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Giá trị theo sổ kế toán		Giảm giá so với giá thị trường		Tổng giá trị theo giá thị trường	
	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm
Cổ phiếu niêm yết	78.658.726.613	225.390.212.389	21.563.741.933	13.913.100.376	57.094.984.680	211.477.112.013
Đầu tư trực tiếp	59.140.900.613	72.443.981.979	12.516.001.933	13.913.100.376	46.624.898.680	58.530.881.603
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí	5.064.779.315	925.044.815	1.382.108.115	77.340.815	3.682.671.200	847.704.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Nghệ An	5.042.910.700	-	3.759.660.700	-	1.283.250.000	-
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí	48.571.512.510	23.866.846.120	7.275.828.510	745.023.720	41.295.684.000	23.121.822.400
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí	222.424.390	37.808.655.000	15.748.390	12.979.472.000	206.676.000	24.829.183.000
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung	-	9.729.724.790	-	83.434.790	-	9.646.290.000
Các cổ phiếu khác	239.273.698	113.711.254	82.656.218	27.829.051	156.617.480	85.882.203
Ủy thác đầu tư	19.517.826.000	152.946.230.410	9.047.740.000	-	10.470.086.000	152.946.230.410
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí	14.748.180.000	-	9.047.740.000	-	5.700.440.000	-
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí	4.769.646.000	152.946.230.410	-	-	4.769.646.000	152.946.230.410
Cổ phiếu chưa niêm yết	281.597.277.188	84.011.297.788	-	2.742.730.028	281.597.277.188	81.268.567.760
Tổng cộng	360.256.003.801	309.401.510.177	21.563.741.933	16.655.830.404	338.692.261.868	292.745.679.773

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

7. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Phí dịch vụ, cung cấp dịch vụ cho nhà đầu tư và tổ chức	14.039.284.991	18.400.339.236
Phải thu ủy thác quản lý vốn	8.352.095.231	6.804.405.001
Phải thu khác (*)	64.488.879.933	2.405.275.010
	86.880.260.155	27.610.019.247

(*) Bao gồm 56.191.530.418 đồng phải thu một nhóm đầu tư tại thành phố Hồ Chí Minh theo các hợp đồng hợp tác đầu tư. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, nhà đầu tư đã sử dụng giá trị các cổ phiếu sở hữu, tiền mặt và các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thành phố Hồ Chí Minh và một số tài sản khác với tổng giá trị 62.824.004.303 đồng để đảm bảo cho khả năng thanh toán cho số dư nợ này. Công ty đã ký hợp đồng với một công ty thẩm định giá độc lập để định giá các quyền sử dụng đất nêu trên. Tuy nhiên, hai (2) lô đất với giá trị 20.621.240.000 đồng được định giá dựa trên giá định các lô đất này sẽ được chuyển đổi thành công mục đích sử dụng từ đất trồng cây lâu năm và đất trồng lúa thành đất ở. Tại ngày báo cáo này, việc chuyển đổi mục đích sử dụng của lô đất trên vẫn đang được thực hiện và chưa hoàn thành. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng, giá trị quyền sử dụng đất nêu trên đã được định giá phù hợp với giá thị trường, tài sản bảo đảm có tính thanh khoản cao và đủ để bù đắp số dư các khoản phải thu có liên quan. Do đó, Công ty không trích lập dự phòng phải thu đối với các khoản phải thu này.

8. PHẢI THU HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 chủ yếu phản ánh số tiền Công ty đã thanh toán cho tổ chức phát hành để mua chứng khoán nhưng chưa nhận được Sổ Cổ đông. Ban Tổng Giám đốc Công ty đã đánh giá thận trọng và tin tưởng rằng, tại ngày lập báo cáo, các khoản phải thu này không bị suy giảm giá trị và Công ty không trích lập dự phòng đối với các khoản phải thu này.

9. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Cổ tức	12.767.465.600	-
Phải thu giao dịch hợp đồng hợp tác đầu tư	47.446.084.010	-
Ứng tiền mua gom trái phiếu cho đối tác	-	77.000.000.000
Phải thu theo hợp đồng quản lý danh mục đầu tư	-	35.500.000.000
Hợp đồng tiền gửi	-	130.000.000.000
Lãi dự thu tiền gửi	-	1.985.777.779
Thanh toán giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư	4.119.001.816	-
Phải thu khác	3.660.538.456	2.453.734.987
	67.993.089.882	246.939.512.766

Phải thu cổ tức bao bao gồm 11.006.414.000 đồng tương ứng với doanh thu hoạt động kinh doanh chứng khoán được Công ty ghi nhận trên cơ sở Hội đồng Quản trị của đơn vị nhận đầu tư đã đồng ý chủ trương tạm ứng 10% cổ tức năm 2011 cho Công ty. Đến ngày báo cáo này, đơn vị nhận đầu tư chưa chính thức công bố cho các cổ đông về việc chia cổ tức và chưa thanh toán tiền tạm ứng cổ tức nêu trên cho Công ty. Ban Tổng Giám đốc Công ty đã đánh giá một cách cẩn trọng và tin tưởng rằng, năm 2011, đơn vị nhận đầu tư kinh doanh có lãi và tỷ lệ chi trả cổ tức ít nhất là 10%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Thiết bị văn phòng VND	Phương tiện vận tải VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2011	19.405.129.216	3.746.787.500	23.151.916.716
Tăng trong năm	3.651.856.390	-	3.651.856.390
Thanh lý nhượng bán	(104.110.875)	-	(104.110.875)
Tại ngày 31/12/2011	<u>22.952.874.731</u>	<u>3.746.787.500</u>	<u>26.699.662.231</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2011	6.275.643.049	984.384.677	7.260.027.726
Khấu hao trong năm	3.305.073.653	1.451.901.214	4.756.974.867
Thanh lý nhượng bán	(13.993.404)	-	(13.993.404)
Tại ngày 31/12/2011	<u>9.566.723.298</u>	<u>2.436.285.891</u>	<u>12.003.009.189</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/12/2011	<u>13.386.151.433</u>	<u>1.310.501.609</u>	<u>14.696.653.042</u>
Tại ngày 31/12/2010	<u>13.129.486.167</u>	<u>2.762.402.823</u>	<u>15.891.888.990</u>

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm ứng dụng VND	Khác VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2011	8.047.933.480	300.000.000	8.347.933.480
Tăng trong năm	5.049.565.315	-	5.049.565.315
Tại ngày 31/12/2011	<u>13.097.498.795</u>	<u>300.000.000</u>	<u>13.397.498.795</u>
KHẤU HAO LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2011	2.390.500.346	28.064.516	2.418.564.862
Khấu hao trong năm	1.446.948.544	97.258.064	1.544.206.608
Tại ngày 31/12/2011	<u>3.837.448.890</u>	<u>125.322.580</u>	<u>3.962.771.470</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/12/2011	<u>9.260.049.905</u>	<u>174.677.420</u>	<u>9.434.727.325</u>
Tại ngày 31/12/2010	<u>5.657.433.134</u>	<u>271.935.484</u>	<u>5.929.368.618</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍSố 18 Lý Thường Kiệt, quận Hoàn Kiếm
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-CTCK**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Trong năm 2011, một số khoản đầu tư đã được phân loại lại do Công ty thay đổi mục đích nắm giữ. Việc phân loại lại này có ảnh hưởng tới kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Chi tiết các khoản đầu tư chủ yếu được phân loại lại cũng như ảnh hưởng tương ứng lên kết quả hoạt động kinh doanh trong năm như sau:

Khoản đầu tư	Phân loại		Chú thích
	Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2011	Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2010	
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Hải phòng	Đầu tư ngắn hạn	Đầu tư dài hạn khác	(i)
Công ty Cổ phần Thi công cơ giới và Lắp máy Dầu khí	Đầu tư ngắn hạn	Đầu tư dài hạn khác	(i)
Công ty Cổ phần Đầu tư và TM Dầu khí Sông Hồng	Đầu tư ngắn hạn	Đầu tư dài hạn khác	(i)
Công ty Cổ phần Tư vấn Dự án Điện lực Dầu khí	Đầu tư ngắn hạn	Đầu tư dài hạn khác	(i)
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí	Đầu tư dài hạn	Đầu tư ngắn hạn	(ii)

- (i) Theo Nghị quyết số 05a/NQ-HĐQT-CKDK ngày 16 tháng 8 năm 2011 của Hội đồng Quản trị, Công ty đã chuyển đổi danh mục đầu tư chứng khoán chưa niêm yết từ hình thức đầu tư dài hạn (với giá trị 50 tỷ đồng) sang hình thức đầu tư ngắn hạn và chuyển đổi cơ cấu một phần danh mục ủy thác quản lý danh mục đầu tư cổ phiếu từ hình thức ngắn hạn sang hình thức đầu tư chiến lược, dài hạn.
- (ii) Trong năm 2011, Công ty đã ký thỏa thuận hợp tác chiến lược với Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí (PET). Theo thỏa thuận này, Công ty cam kết nắm giữ lâu dài, hạn chế giao dịch đối với cổ phiếu của PET và sẽ thông báo cho PET trong trường hợp có thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu lớn. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Công ty không phải trích lập dự phòng giảm giá đầu tư đối với khoản đầu tư này do năm 2011, đơn vị nhận đầu tư hoạt động kinh doanh có lãi.

13. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

Vay và nợ ngắn hạn phản ánh giá trị hợp đồng vay ngắn hạn tại Ngân hàng để bổ sung vốn ngắn hạn với thời hạn vay 1 tuần. Công ty đã hoàn trả gốc khoản vay vào ngày 03 tháng 01 năm 2012.

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	82.709.222	179.379.635
Thuế thu nhập cá nhân	550.633.476	981.100.314
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	2.869.951.184
	633.342.698	4.030.431.133

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

15. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Nhận đặt cọc từ các tổ chức tín dụng (i)	350.000.000.000	638.000.000.000
Phải trả tiền mua chứng khoán tự doanh	618.300.300	-
Nhà đầu tư nộp tiền mua cổ phiếu, trái phiếu	-	8.990.802.230
Phải trả Sở Giao dịch thanh toán bù trừ 3 ngày cuối năm	10.049.920.000	4.567.638.000
Phải trả, phải nộp khác (ii)	7.617.859.130	4.596.961.277
	368.286.079.430	656.155.401.507

(i) Công ty ký hợp đồng cung cấp dịch vụ thu gom trái phiếu với các Tổ chức tín dụng, theo đó các Tổ chức tín dụng thực hiện đặt cọc theo hợp đồng. Trong trường hợp Công ty không thu gom được, Công ty phải trả các tổ chức tín dụng khoản lãi của số tiền đặt cọc với lãi suất quy định tại từng Phụ lục Hợp đồng cho từng đợt giải ngân.

(ii) Chủ yếu phản ánh các khoản phải trả hộ cổ tức của cổ phiếu chưa niêm yết.

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn điều lệ (*) VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (**) VND	Tổng VND
01/01/2011	509.250.000.000	27.055.378.000	6.740.232.026	54.993.601.279	598.039.211.305
Góp vốn trong năm	89.163.000.000	40.384.592.360	-	-	129.547.592.360
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	(93.256.842.947)	(93.256.842.947)
Chia cổ tức	-	-	-	(39.768.863.920)	(39.768.863.920)
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(2.692.925.264)	(2.692.925.264)
Chi thưởng ban điều hành năm 2010	-	-	-	(900.000.000)	(900.000.000)
31/12/2011	598.413.000.000	67.439.970.360	6.740.232.026	(81.625.030.852)	590.968.171.534

(*) Ngày 02 tháng 3 năm 2011, Công ty đã hoàn tất việc phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho Công ty Nikko Cordial Securities Inc. thành lập tại Nhật Bản với tổng số lượng cổ phần chào bán là 8.916.300 mệnh giá 10.000 đồng, giá bán 15.000 đồng/cổ phiếu. Tỷ lệ vốn góp của cổ đông này chiếm 14,9% vốn điều lệ. Theo đó, tổng số lượng cổ phiếu lưu hành tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là: 59.841.300 cổ phiếu.

(**) Số trích quỹ và chi cổ tức trong năm được thực hiện theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2010 của Công ty ngày 20 tháng 01 năm 2011.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍSố 18 Lý Thường Kiệt, quận Hoàn Kiếm
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-CTCK***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***19. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Chi phí nhân viên quản lý	27.143.701.966	16.528.142.274
Chi phí vật liệu quản lý	158.439.226	66.162.058
Chi phí đồ dùng văn phòng	605.963.140	1.113.291.353
Chi phí khấu hao TSCĐ	6.301.181.475	4.559.721.616
Thuế, phí và lệ phí	534.864.703	404.701.053
Chi phí dự phòng	38.044.034.823	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí khác	46.180.120.226	42.826.317.323
	118.968.305.559	65.498.335.677

20. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Ngày 03 tháng 4 năm 2010, Chi nhánh Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí tại thành phố Hồ Chí Minh đã ký Hợp đồng thuê nhà tại quận 1, thành phố Hồ Chí Minh với thời hạn thuê là 5 năm được tính từ ngày 01 tháng 5 năm 2010 đến hết ngày 30 tháng 4 năm 2015.

Ngày 10 tháng 02 năm 2010, Công ty đã ký hợp đồng thuê một phần tòa nhà tại số 18 Lý Thường Kiệt, Hà Nội với Tổng Công ty Du lịch Hà Nội, để làm trụ sở làm việc với thời hạn thuê là 5 năm kể từ ngày 01 tháng 4 năm 2010 đến ngày 31 tháng 3 năm 2015.

21. BÁO CÁO VỀ GIÁ TRỊ VÀ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TRONG NĂM

CHỈ TIÊU	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011	
	Khối lượng giao dịch	Giá trị giao dịch (VND)
1. Chứng khoán tự doanh		
Cổ phiếu	8.289.870	92.812.810.250
2. Chứng khoán của nhà đầu tư		
Cổ phiếu	374.482.947	6.096.816.589.050
Trái phiếu	12.120.000	1.251.953.981.373
Chứng chỉ quỹ	277.280	1.490.404.000
	395.170.097	7.443.073.784.673

22. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Hiện tại, Công ty chưa lập báo cáo theo bộ phận và Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng việc không trình bày báo cáo bộ phận không ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

23. CÔNG NỢ TIỀM TÀNG

Theo Hợp đồng thuê nhà số 5582/HĐTĐ ngày 25/10/2006 giữa Tập đoàn Dầu khí Việt Nam ký với Công ty Cổ phần Thương mại TD thuê tòa nhà số 20 Ngô Quyền và ủy quyền cho Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí quản lý để làm trụ sở làm việc với thời hạn thuê là 60 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Tiền thuê nhà là 20.000 USD/tháng. Theo hợp đồng thuê nhà, bên đi thuê có trách nhiệm bồi thường cho bên cho thuê với số tiền tương ứng với 1 năm tiền thuê nhà trong trường hợp bên đi thuê hủy hợp đồng thuê trước hạn. Công ty đã dừng thuê từ ngày 01 tháng 5 năm 2010 và bên cho thuê đã đồng ý việc Công ty chấm dứt hợp đồng trước hạn. Tại ngày báo cáo này, Công ty đang thương thảo với bên cho thuê về khoản tiền phạt nêu trên và đã trích trước tiền thuê nhà theo hợp đồng này từ tháng 5 đến tháng 12 năm 2010.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

24. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	200.680.087.112	669.525.119.879
Phải thu khách hàng và phải thu khác	122.161.795.152	307.781.638.062
Đầu tư ngắn hạn	602.739.670.140	628.959.695.317
Đầu tư dài hạn	180.646.453.460	55.000.000.000
Tổng cộng	1.106.228.005.864	1.661.266.453.258
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	25.000.000.000	-
Phải trả người bán và phải trả khác	509.877.464.683	1.091.774.514.938
Chi phí phải trả	21.394.230.629	8.938.402.558
Tổng cộng	556.271.695.312	1.100.712.917.496

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, tuy nhiên rủi ro do sự thay đổi tỷ giá hối đoái của Công ty là không đáng kể.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃU SỐ B 09-CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

24. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết và các khoản nhận ứng trước của khách hàng để thu gom trái phiếu và các khoản tiền gửi của Công ty. Công ty quản lý rủi ro bằng việc phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để tối đa hóa lãi suất có lợi cho Công ty và nằm trong giới hạn quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo tài chính là không đáng kể.

Rủi ro về giá

Các khoản đầu tư bao gồm các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết, hợp đồng hợp tác đầu tư do của Công ty bị ảnh hưởng bởi các rủi ro do sự biến động của thị trường chứng khoán ảnh hưởng đến giá trị tương lai của các khoản đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư, đa dạng hóa danh mục đầu tư và các mức giới hạn cắt lỗ, cắt lỗ.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, giá trị cổ phiếu niêm yết (bao gồm cả hợp tác đầu tư) là 78.658.726.613 đồng. Nếu giá các cổ phiếu này giảm 10% thì lợi nhuận sau thuế của Công ty sẽ giảm khoảng 7.865.872.661 đồng và nếu tăng 10% thì lợi nhuận sau thuế của Công ty cũng sẽ tăng thêm với số tiền tương ứng.

Đối với cổ phiếu OTC, do không có giá giao dịch chính thức trên thị trường nên Công ty không phân tích độ nhạy thay đổi giá.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Các rủi ro tín dụng chủ yếu từ các khoản phải thu và tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác của Công ty.

Đối với các khoản phải thu, Công ty thường xuyên theo dõi và đánh giá các khoản phải thu và lập dự phòng phải thu khó đòi kịp thời cho từng khách hàng (nếu có) khi lập báo cáo tài chính.

Đối với các khoản phải thu dịch vụ ký quỹ (margin), Công ty quản lý rủi ro thông qua việc kiểm soát số lượng và giá trị chứng khoán của nhà đầu tư tại bất kỳ thời điểm nào.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tình thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tình thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

24. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

31/12/2011	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Phải trả người bán và phải trả khác	509.877.464.683	-	509.877.464.683
Các khoản vay	25.000.000.000	-	25.000.000.000
31/12/2010			
Phải trả người bán và phải trả khác	1.091.774.514.938	-	1.091.774.514.938

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2011	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Phải thu khách hàng và phải thu khác	122.161.795.152	-	122.161.795.152
31/12/2010			
Phải thu khách hàng và phải thu khác	307.781.638.062	-	307.781.638.062

Tài sản đảm bảo

Công ty không cầm cố, thế chấp dưới các hình thức nào cho các khoản nợ tại ngày lập báo cáo này.

Công ty đang nắm giữ các tài khoản chứng khoán, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đai, tiền ký quỹ tại tài khoản tiền gửi để cầm cố cho các hợp đồng hợp tác đầu tư, hợp đồng giao dịch ký quỹ.

25. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ		
- Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	8.716.620.215	6.689.130.362
Chi phí lãi hợp đồng hỗ trợ vốn kinh doanh		
- Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	-	7.080.750.000
Lãi từ tiền đặt cọc theo hợp đồng dịch vụ mỗi giới mua gom trái phiếu		
- Tổng Công ty Tài chính CP Dầu khí Việt Nam	75.612.294.442	22.991.666.665
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc	1.586.862.891	2.200.637.460



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

25. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán:

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Uỷ thác quản lý vốn		
- Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	-	1.600.000.000
Các khoản phải thu		
- Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	8.483.043.398	7.483.043.398
Các khoản phải trả		
- Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	-	500.000.000
- Tổng Công ty Tài chính CP Dầu khí Việt Nam (dư nợ gốc theo hợp đồng thu gom trái phiếu)	350.000.000.000	638.000.000.000

26. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 đã được kiểm toán.



Phạm Quang Huy
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2012

Trần Ngọc Đốc
Kế toán trưởng
